

VƯỜN **TÂM CAO** MỚI



BẢO CÁO
THƯỜNG NIÊN **2017**



10

**GIỚI THIỆU CHUNG
VỀ BIMICO**

- 04 Các chỉ số tài chính nổi bật
- 06 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

- 10 Thông tin chung
- 12 Chặng đường hình thành và phát triển
- 14 Thành tích và các giải thưởng tiêu biểu
- 16 Các nhà máy và xí nghiệp
- 18 Các nguồn lực
- 20 Địa bàn và ngành nghề kinh doanh
- 21 Khách hàng tiêu biểu
- 22 Các sản phẩm tiêu biểu
- 23 Sơ đồ tổ chức
- 24 Định hướng phát triển
- 26 Quản trị rủi ro

30

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

- 30 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 32 Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc
- 35 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 36 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 42 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 44 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 54 Kế hoạch hoạt động kinh doanh 2018
- 56 Phân tích tài chính

64

**TÌNH HÌNH
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- 64 Hoạt động của ĐHĐCĐ
- 65 Hoạt động của HĐQT
- 66 Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2017
- 67 Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018
- 68 Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập
- 69 Hoạt động của Ban Kiểm soát
- 70 Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích
- 71 Cơ cấu Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

74

**BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

- 74 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
- 76 Chính sách liên quan đến người lao động
- 80 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
- 83 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

90

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2017**

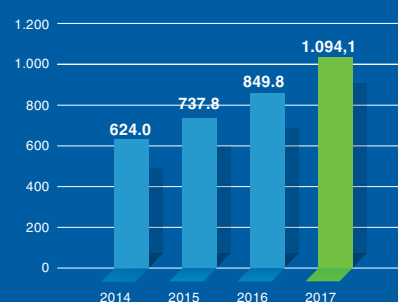
- 86 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 88 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 89 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 91 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 92 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 93 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

1.122,8

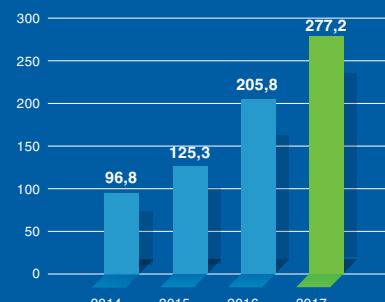
TỶ VNĐ

TỔNG DOANH THU

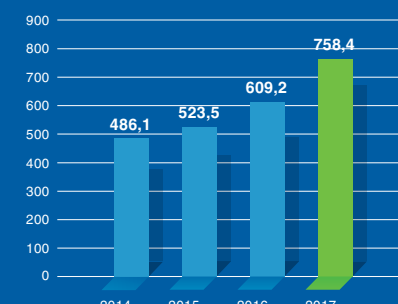
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2017



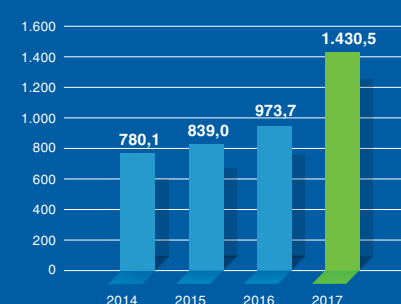
DOANH THU
(TỶ ĐỒNG)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(TỶ ĐỒNG)



VỐN CHỦ SỞ HỮU
(TỶ ĐỒNG)



TỔNG TÀI SẢN
(TỶ ĐỒNG)

KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: TỶ VNĐ	2014	2015	2016	2017
Doanh thu	624,0	737,8	849,8	1.094,1
Lợi nhuận gộp	219,6	263,8	343,1	434,2
Lợi nhuận trước thuế	125,3	162,8	258,3	347,2
Lợi nhuận sau thuế	96,8	125,3	205,8	277,2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: TỶ VNĐ	2014	2015	2016	2017
Tổng tài sản	780,1	839,0	973,7	1.430,5
Vốn chủ sở hữu	486,1	523,5	609,2	758,4
Vốn điều lệ	180,0	234,0	234,0	468,0

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: %	2014	2015	2016	2017
Tỷ lệ lợi nhuận gộp	35,2	35,7	40,4	39,7
Tỷ lệ lợi nhuận thuần	15,5	17,0	24,2	25,3
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	12,4	15,5	22,7	23,1
Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)	19,9	24,8	36,3	40,5



Thư Quý Cổ đông, Đối tác và toàn thể CBCNV

Chúng ta đang bước vào một năm thực hiện kế hoạch kinh doanh mới, với tâm trí luôn kiên định hiện thực hóa mục tiêu chung đã đặt ra cho BIMICO, đó là: Đến năm 2020 trở thành nhà cung cấp hàng đầu Đông Nam Bộ về sản phẩm vật liệu xây dựng, đặc biệt là đá xây dựng chất lượng cao. Luôn luôn sáng tạo, mở rộng nguồn tài nguyên và quy mô hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn hóa các sản phẩm và dịch vụ. Trở thành đối tác tin cậy của các nhà thầu xây dựng, tham gia vào các công trình trọng điểm của đất nước tại Đông Nam Bộ.

Năm 2017, tình hình kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khả quan. Tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2017 đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu tăng trưởng kế hoạch 6,7% đề ra trước đó. Trong đó, khối ngành công nghiệp, chế biến và chế tạo tiếp tục trở thành một trong những động lực tăng trưởng chính với mức tăng trưởng 14,4%.

Với sự nỗ lực, đoàn kết phấn đấu của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV, BIMICO đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ trong năm 2017:

➔ Tổng doanh thu đạt 1.122,8 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2016 và vượt 10% so với kế hoạch năm 2017.

➔ Lợi nhuận trước thuế đạt 347,2 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2016, vượt 16% so với kế hoạch năm 2017.

➔ Chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài hợp lý, công tác đào tạo được đẩy mạnh và đã hình thành được đội ngũ lãnh đạo kế thừa trình độ cao.

Với lịch sử hoạt động gần 25 năm và trải qua nhiều chu kỳ của nền kinh tế, BIMICO luôn chủ động để có chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn nhằm phát huy các thế mạnh nội tại, tận dụng cơ hội từ thị trường.

1.122,8

TỶ VNĐ

TỔNG DOANH THU NĂM 2017

KHÔNG NHỮNG PHÁT HUY LĨNH VỰC KINH DOANH TRUYỀN THỐNG, BIMICO CÒN MỞ RỘNG SANG LĨNH VỰC XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG, KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN, KHU CÔNG NGHIỆP, THĂM DÒ, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN, SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG,... SU TỬ BIỂN VÀ FICO PANU ĐÃ KÝ THỎA THUẬN HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC ĐỂ XÂY DỰNG MỐI QUAN HỆ HỢP TÁC SÂU RỘNG TRONG VIỆC CUNG CẤP VÀ TIÊU THỤ ĐÁ LY TÂM (ĐÁ VSI) VÀ CÁT NHÂN TẠO CHẤT LƯỢNG CAO.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, BIMICO luôn coi doanh nghiệp là một phần của xã hội, cam kết hành động nhất quán, chia sẻ lợi ích và đồng hành phát triển cùng cộng đồng-xã hội. Hỗ trợ giáo dục, xây dựng trường học, ủng hộ các hoàn cảnh khó khăn ở những vùng gặp thiên tai... là những hoạt động nhân đạo và nhân văn sâu sắc mà BIMICO đã luôn theo đuổi trong suốt lịch sử hoạt động của mình.

Trên cơ sở nhận biết và nắm rõ được vị thế của Công ty, sức mạnh nguồn lực nội tại đang sở hữu, mối quan hệ tốt với các đối tác, cơ quan

quản lý... cũng như định hướng và mục tiêu phát triển, Ban lãnh đạo đã xác định nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp cụ thể để vượt qua những khó khăn do thị trường mang lại, tiếp tục phát huy những thành quả mà Công ty đạt được trong thời gian qua.

Hội đồng Quản trị cam kết sẽ đồng hành cùng Ban Điều hành và tập thể CBCNV để hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra. Tôi tin rằng, với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, tập thể CBCNV cùng sự chỉ đạo sát sao của Công ty, sự ủng hộ của các đối tác, cơ quan quản lý,... BIMICO sẽ chinh phục thành công các mục tiêu chiến lược và không ngừng gia tăng giá trị doanh nghiệp, đóng góp cho cộng đồng - xã hội.

Thành công của BIMICO hôm nay có được là nhờ vào sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo, tập thể CBCNV, nhờ vào sự ủng hộ nhiệt thành của các Quý khách hàng, đối tác trong, ngoài nước và Quý Cổ đông.

Thay mặt BIMICO, tôi xin chân thành cảm ơn Quý vị đã đồng hành cùng Công ty và mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ trong thời gian tới, nhằm đưa BIMICO lên tầm cao mới, hiện thực hóa các tầm nhìn chiến lược.

Xin gửi đến Quý vị và gia đình lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Trân trọng,

PHAN TẤN ĐẠT
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NỘI LỰC **VỮNG VÀNG** ĐẮP XÂY THƯƠNG HIỆU

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ BIMICO

Thông tin chung	10
Chặng đường hình thành và phát triển	12
Thành tích và các giải thưởng tiêu biểu	14
Các nhà máy và xí nghiệp	16
Các nguồn lực	18
Địa bàn và ngành nghề kinh doanh	20
Khách hàng tiêu biểu	21
Các sản phẩm tiêu biểu	22
Sơ đồ tổ chức	23
Định hướng phát triển	24
Quản trị rủi ro	26

1
KSB
BIMICO

BIMICO tự hào là doanh nghiệp tiên phong trong ngành khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng tại Bình Dương. Với nguồn tài nguyên chất lượng cao, thiết bị sản xuất hiện đại, sản phẩm của BIMICO đang được đánh giá cao và sử dụng phổ biến trong ứng dụng công nghiệp của nhiều khách hàng khu vực Đông Nam Bộ.

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG
Tên tiếng Anh	: BINH DUONG MINERAL AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: BIMICO
Địa chỉ	: Đại lộ Bình Dương, Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
Giấy ĐKKD	: số 3700148825 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 27/04/2006 và được thay đổi lần 14 ngày 16/08/2017
Điện thoại	: (0274) 3822.602
Fax	: (0274) 3823.922
Email	: info@bimico.com.vn
Website	: www.bimico.com.vn

THÔNG TIN NIÊM YẾT

Mã cổ phiếu	: KSB
Địa chỉ niêm yết	: Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM - HOSE
Vốn điều lệ	: 468.000.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám tỷ đồng)

 **TẦM NHÌN**

Đến năm 2020 trở thành nhà cung cấp hàng đầu Đông Nam Bộ về sản phẩm vật liệu xây dựng, đặc biệt là đá xây dựng chất lượng cao.

 **SỨ MỆNH**

Luôn luôn sáng tạo, mở rộng nguồn tài nguyên và quy mô hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, tiêu chuẩn hóa các sản phẩm và dịch vụ. Trở thành đối tác tin cậy của các nhà thầu xây dựng, tham gia vào các công trình trọng điểm của đất nước tại Đông Nam Bộ.

 **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

Đoàn kết - **N**ăng động - **Đ**ổi mới - **P**hát triển bền vững



CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP CÔNG TY

BIMICO, thành lập ngày 13/01/1993 theo quyết định số 62/QĐ-UB của UBND tỉnh Sông Bé nay là tỉnh Bình Dương, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước.

ĐỔI TÊN CÔNG TY

Khi tỉnh Sông Bé được chia tách thành hai tỉnh Bình Dương và tỉnh Bình Phước. Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Sông Bé được đổi tên thành Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Bình Dương, theo quyết định số 568/QĐ-UB ngày 01/03/1997 của UBND tỉnh Bình Dương.

ĐỔI TÊN CÔNG TY

Công ty Khai thác và Xuất khẩu Khoáng sản tỉnh Bình Dương đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, theo quyết định số 179/2000/QĐ-UB ngày 29/12/2000 của UBND tỉnh Bình Dương và đây cũng là tên gọi chính thức của Công ty cho đến nay.

CỔ PHIẾU BIMICO CHÍNH THỨC ĐƯỢC NIÊM YẾT

Tháng 5/2006, Công ty được cổ phần hóa với vốn điều lệ là 70 tỷ đồng, với 51% được Nhà nước nắm giữ.

CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Công ty chính thức được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Tháng 1 năm 2010, Công ty tăng vốn điều lệ lần thứ nhất lên 107 tỷ đồng, niêm yết cổ phiếu tại HOSE với mã chứng khoán KSB, vốn nhà nước 50,5%.

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Ngày 9/3/2012, Công ty tăng vốn điều lệ lần hai lên 180 tỷ đồng, vốn nhà nước 50,5%.

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Tháng 7 năm 2015, Công ty phát hành thêm 5.400.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 234 tỷ đồng, vốn nhà nước (SCIC) 50,05%.

CỔ PHẦN HÓA

Từ ngày 24 đến ngày 26 tháng 02 năm 2016, SCIC đã bán toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ tại Công ty, BIMICO trở thành doanh nghiệp ngoài nhà nước. Cổ phần được nắm bởi các công ty, các quỹ, nhân viên nội bộ và các Cổ đông. BIMICO chứng minh được mình là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ THÀNH LẬP CÔNG TY

Tháng 4 năm 2017, Công ty phát hành thêm 23.400.000 cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu, tăng vốn điều lệ lên 468 tỷ đồng. Tháng 10 năm 2017, thành lập Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp KSB do BIMICO làm chủ sở hữu.



1993



1997



2000



2006



2007



2010



2012



2015



2016



2017

**THÀNH TÍCH VÀ
CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU**



HUÂN CHƯƠNG
LAO ĐỘNG HẠNG BA
NĂM 2011



HUÂN CHƯƠNG
LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ
NĂM 2015



TRI ÂN
NGƯỜI CÓ CÔNG



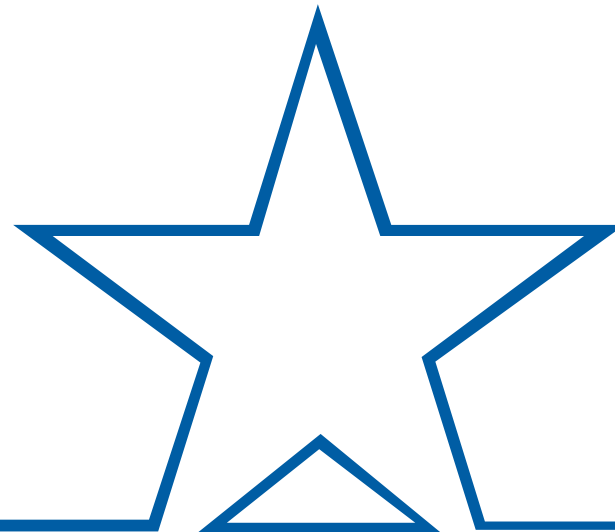
BẢNG KHEN
CÁC ĐƠN VỊ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC



BẢNG KHEN
THÀNH TÍCH HOÀN THÀNH TỐT
NGHĨA VỤ NGÀNH THUẾ NĂM 2016

TOP **10**
CÔNG TY SX VẬT LIỆU XÂY DỰNG
TOÀN QUỐC NĂM 2017

TOP **50**
NHÃN HIỆU
NỔI TIẾNG NHẤT VIỆT NAM NĂM 2017
HỘI SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM TRAO TẶNG



01

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
ĐÁ TÂN MỸ, BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Ấp 1, xã Tân Mỹ, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.

Diện tích khai thác: 41 ha.

Trữ lượng: 22 triệu m³.

Công suất: 1 triệu m³/năm.

Khai thác lộ thiên bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 – 250 tấn/h, đường vận tải và hệ thống cảng sông độc lập thuận lợi cho việc vận chuyển thủy và bộ.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

02

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
CAO LẠNH TÂN THÀNH, BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ 1: Ấp Suối Sâu, Xã Đất Cuốc, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.

Địa chỉ 2: Ấp 1, Xã Tân Lập, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.

Diện tích khai thác: 24 ha.

Trữ lượng: 1,3 triệu m³.

Công suất: 100.000 tấn/năm.

Mỏ Lộ Thiên, độ sâu 10-15m, thiết bị khai thác, xúc bốc tiên tiến và an toàn. Cao lạnh Tân Lập chất lượng ổn định, là nguồn nguyên liệu cho các nhà máy ceramic và chất độn cho các nhà máy phân bón trong vùng Đông Nam Bộ.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

03

CHI NHÁNH KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
CAO LẠNH MINH LONG, BÌNH PHƯỚC

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Minh Long, H. Chơn Thành, Bình Phước.

Diện tích khai thác: 64 ha.

Trữ lượng: 12 triệu m³.

Công suất: 450.000 tấn/năm.

Mỏ Cao Lạnh Minh Long là nơi cung cấp nguồn nguyên liệu Cao Lạnh chất lượng, ổn định và lâu dài đến năm 2038 cho các nhà máy Ceramic và nhà máy phân bón trong khu vực Miền Nam.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

04

NHÀ MÁY GẠCH
BÌNH PHÚ, BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 746, tổ 4, Kp. Tân Bình, P. Tân Hiệp, Tx. Tân Uyên, Bình Dương

Diện tích nhà xưởng: 20.000 m².

Nguyên liệu: Đất sét chọn lọc.

Công suất: 45 triệu viên/năm.

Các sản phẩm của nhà máy gạch Tuynel Bình Phú đa dạng về chủng loại, mẫu mã đẹp được trung tâm QUACERT giám sát và chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 1450:2009.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

05

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT
BÊ TÔNG, BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: N4-D3, KCN Đất Cuốc, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương.

Công nghệ: Công nghệ quay ly tâm,
Công nghệ rung lõi của CHLB Đức.

Công suất: 60.000 m³/năm.

Xí nghiệp sản xuất bê tông sản xuất các loại cống tròn, cống hộp và các cấu kiện bê tông đúc sẵn với nhiều loại kích thước khác nhau. Đội ngũ công nhân lành nghề, cung cấp các dịch vụ vận chuyển, cầu rập cống theo yêu cầu của khách hàng.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

06

XÍ NGHIỆP SẢN XUẤT
NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT BIMICO

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Kp. Hòa Lân 1, P. Thuận Giao, Tx Thuận An, Bình Dương.

Nước uống BIMICO có độ tinh khiết hoàn hảo được sản xuất từ nước ngầm tầng sâu, công nghệ tiên tiến của Hoa Kỳ, đầu dò pH tự động, lọc RO, hệ thống đóng chai tự động, môi trường trong sạch.

Sản phẩm được trung tâm QUACERT giám sát chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 6 – 1:2010/BYT.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

07

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ
TÂN ĐÔNG HIỆP, BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 506/1A, Kp. Tân An, P. Tân Đông Hiệp, Tx. Dĩ An, Bình Dương.

Diện tích khai thác: 23 ha.

Trữ lượng: 9,5 triệu m³.

Công suất: 1,6 triệu m³/năm.

Mỏ lộ thiên khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng công suất 150 – 200 tấn/h.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

08

XÍ NGHIỆP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ
PHƯỚC VĨNH, BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Kp. 3, TT Phước Vĩnh, H. Phú Giáo, Bình Dương.

Diện tích: 23 ha.

Trữ lượng: 6 triệu m³/năm.

Công suất: 1 triệu m³/năm.

Quy hoạch mở rộng: 30 ha.

Sản phẩm đa dạng: 1x2, 0x4, 4x6, mi bụi, mi sàng, đá hộc.

Mỏ lộ thiên khai thác bằng công nghệ tiên tiến, hệ thống nghiền sàng 150 – 350 tấn/h.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.



ĐỂ TĂNG TRƯỞNG TRONG MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH, BIMICO LUÔN Ý THỨC VỀ VIỆC PHÁT TRIỂN NHỮNG NGUỒN LỰC QUAN TRỌNG. NỖ LỰC KIẾN TẠO VÀ TÍCH HỢP CÁC NGUỒN LỰC LÀ CHIẾN LƯỢC CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÔNG TY.

NGUỒN NHÂN LỰC

BIMICO coi nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá. Sự lớn mạnh của Công ty trong suốt gần 25 năm vừa qua là thành quả từ công sức và tâm huyết của một tập thể lớn, dưới sự chỉ dẫn và lãnh đạo sáng suốt của nhiều lãnh đạo bản lĩnh, hết mình vì sự nghiệp chung của BIMICO.

THIẾT BỊ KHAI THÁC CHẾ BIẾN

Để đáp ứng nhu cầu thị trường, BIMICO đã mạnh dạn đầu tư và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến nhất trong khai thác khoáng sản do các chuyên gia nước ngoài thực hiện và chuyển giao cùng với đội ngũ các chuyên viên giàu kinh nghiệm.

TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Tài nguyên đá và kaolin của BIMICO được đánh giá có chất lượng cao và trữ lượng lớn trong khu vực. Đây là cơ sở quan trọng cho việc sản xuất các sản phẩm đá xây dựng và bột kaolin. Ngoài ra, BIMICO tiếp tục đầu tư để phát triển nguồn tài nguyên mới, với mục tiêu trở thành đơn vị đầu ngành về vật liệu xây dựng tại Đông Nam Bộ.

TRUNG TÂM R&D

Nhận thức rõ vai trò của R&D trong việc tạo ra năng lực cạnh tranh, BIMICO đã không ngừng đầu tư cho nghiên cứu và phát triển. Với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm đang được đầu tư, trung tâm R&D của BIMICO đang khẳng định là nhân tố quan trọng trong việc nâng cao chất lượng, đảm bảo tính đa dạng của sản phẩm và phát triển các sản phẩm mới, đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu của thị trường.

NGUỒN NƯỚC – DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

BIMICO sở hữu mỏ nước ngầm chất lượng cao, hàm lượng chất khoáng dồi dào, vị thanh nhẹ, công suất khai thác lớn. Thương hiệu nước tinh khiết BIMICO đã nổi bật và trở thành sự lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng Bình Dương.

QUỸ ĐẤT – QUY HOẠCH KHU CÔNG NGHIỆP

Một phần nhìn thấy được nhu cầu về đất công nghiệp từ các doanh nghiệp sản xuất. Phần khác, nhìn thấy rõ tiềm năng của quỹ đất mang lại lợi nhuận cho Công ty trong tương lai. Công ty đã quy hoạch đất thành khu công nghiệp để đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong tương lai.

ĐỊA BÀN VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty ở tỉnh Bình Dương và Bình Phước. Hoạt động khai thác tại các huyện Dầu Tiếng, Bắc Tân Uyên, Phú Giáo, thị xã Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Gần 25 năm hoạt động và phát triển không ngừng nghỉ, BIMICO tự hào là đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong việc khai thác, sản xuất các vật liệu cơ bản và quan trọng cho ngành xây dựng tại tỉnh Bình Dương. Các sản phẩm của BIMICO đã và đang tạo ra nền móng vững chắc cho nhiều công trình trọng điểm trong khu vực Đông Nam Bộ đặc biệt là TP. Hồ Chí Minh. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, BIMICO luôn đặt trọng tâm vào các lĩnh vực kinh doanh chính, đổi mới và sáng tạo liên tục để trở thành nhà cung cấp tin cậy của ngành xây dựng.

CÁC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH

- » Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản;
- » Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (Gạch, cống bê tông,...);
- » Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- » Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai;
- » Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, xử lý nước thải;
- » Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng, hoạt động thể thao (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, sân bóng đá mini,...);



Hoàng Sa

Trường Sa

KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM



CÔNG TY CP KD VÀ PT BÌNH DƯƠNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 3-2



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG AN PHONG



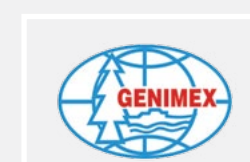
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX-ACC



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG HỒNG HÀ



CÔNG TY CP VLXD THẾ GIỚI NHÀ



CÔNG TY CP LS & XNK TỔNG HỢP BÌNH DƯƠNG



TẬP ĐOÀN COTECCONS



CÔNG TY XÂY DỰNG LÊ PHAN (TNHH)



NGÂN HÀNG BIDV



KHOÁNG SẢN

BIMICO sở hữu mỏ Kaolin với trữ lượng lớn, Công ty hiện đang khai thác và chế biến các loại cao lanh lọc và cao lanh bột phục vụ cho các ngành công nghiệp như sản xuất, gốm sứ, ceramic, sơn, nhựa, chế biến cao su và chất độn cho các nhà máy sản xuất phân bón, thức ăn gia súc.

NƯỚC TINH KHIẾT

Nước khoáng BIMICO được khai thác từ nguồn nước sạch, chất lượng cao, hàm lượng chất khoáng dồi dào, vị thanh nhẹ, công suất khai thác lớn. Thương hiệu nước tinh khiết BIMICO đã có mặt và trở thành sự lựa chọn hàng đầu của người tiêu dùng Bình Dương.

- Nước uống đóng chai
- Chai 1.5L
- Chai 500ML
- Chai 350ML
- Chai 250ML

VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Gạch: Gạch móng, gạch cột, gạch trồng cỏ, gạch tường.

Cát xây dựng: Cát nhân tạo BIMICO/STB- AS.

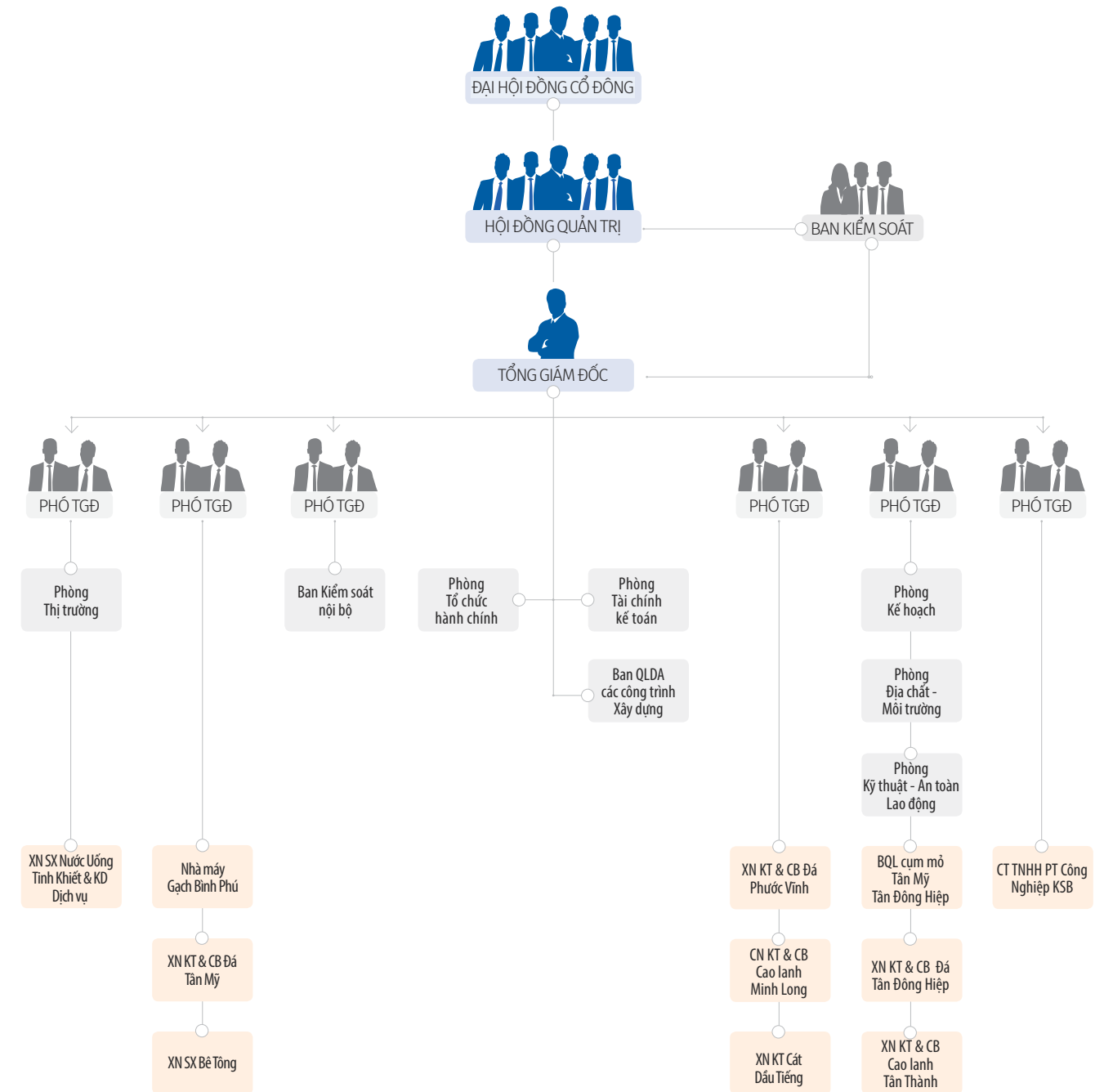
Bê tông: Bê tông cốt hộp, bê tông cốt tròn.

Đá xây dựng: Đá ly tâm, đá mi bụi, đá mi sàng, đá 4x6, đá xây dựng, đá hộc, đá 0x4, đá 1x2.

Gạch Tuynel: Gạch 4 lỗ, gạch demi, gạch định 2 lỗ.

BDS - KHU CÔNG NGHIỆP

Khu Công nghiệp Đất Cước – Tân Uyên: được khởi công xây dựng và kinh doanh với tổng diện tích là 553 ha theo văn bản số 756/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương, bao gồm 2 khu A và B. Nằm trong khu vực tứ giác kinh tế trọng điểm phía Nam (Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai), cách TP. Hồ Chí Minh 50km và thành phố Thủ Dầu Một 30km.



CÔNG TY CON:

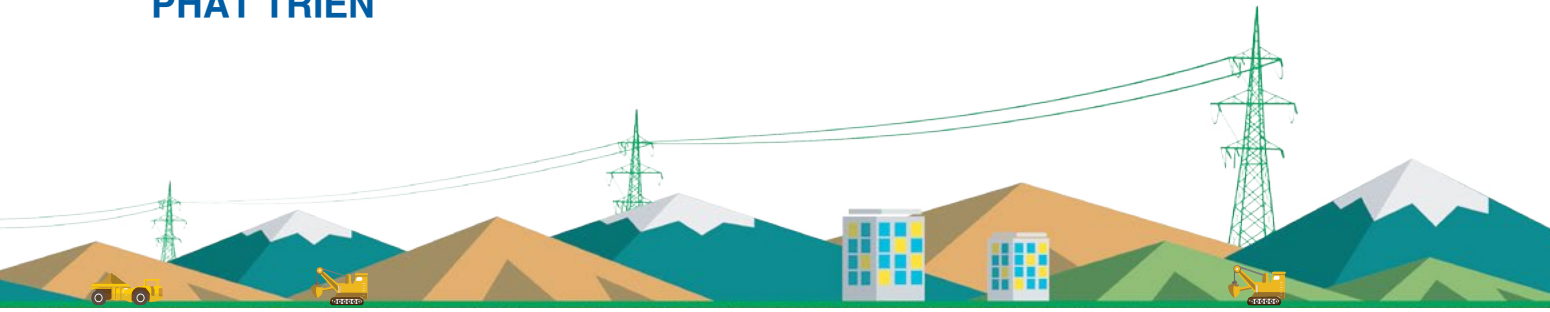
Công Ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB

Địa chỉ: Lô A1 – Đường D1 – Khu A – KCN Đất Cước, xã Đất Cước, H. Bắc Tân Uyên, Bình Dương, Việt Nam.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Vốn điều lệ thực góp: 300.000.000.000 đồng (ba trăm tỷ đồng).

Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

<p>Khai thác, chế biến khoáng sản là chủ lực, là cốt lõi của Công ty.</p>	<p>Duy trì và củng cố các mỏ hiện có, tìm kiếm phát triển mỏ mới.</p>	<p>Đổi mới công nghệ, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu, môi trường...</p>	<p>Đầu tư đa dạng hoá sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đem lại sự ổn định để phát triển bền vững cho Công ty và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng ngày càng tốt hơn.</p>	<p>Giữ vững vị thế của Công ty trên thị trường: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương sẵn sàng hợp tác với tất cả khách hàng, đối tác để cùng hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.</p>	<p>Công ty tập trung đầu tư các lĩnh vực chính có chọn lọc phục vụ cho sản xuất kinh doanh hiện tại và mục tiêu lâu dài.</p>	<p>Thực hiện đúng các quy định pháp luật đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.</p>
---	---	---	--	--	--	---

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

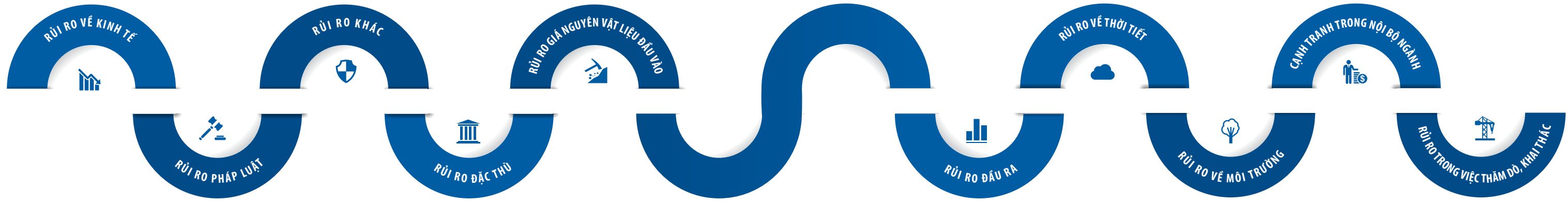
VỚI HOẠT ĐỘNG CHÍNH LÀ XÂY DỰNG, KHAI KHOÁNG, CÓ ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG, CÔNG TY LUÔN Ý THỨC ĐƯỢC VAI TRÒ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI. SAU ĐÂY LÀ MỤC TIÊU CỤ THỂ CỦA CÔNG TY ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI:

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty luôn duy trì mức độ khai thác những nguồn tài nguyên ở một giới hạn nhất định cho phép, không làm thoái hoá các ao hồ, sông ngòi, uy hiếp đời sống sinh vật hoang dã, không lạm dụng hoá chất độc hại trong sản xuất kinh doanh, không gây nhiễm độc nguồn nước và lương thực. Đồng thời, BIMICO luôn cẩn thận trong việc chọn lựa kỹ thuật và công nghệ tiên tiến để nâng cao sản lượng, cũng như mở rộng quy mô sản xuất, khai thác.

ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG

- » Bảo vệ sức khoẻ và an toàn cho người lao động và cộng đồng.
- » Tôn trọng quyền con người, đối xử công bằng, tôn trọng nhân phẩm, văn hoá, tập tục và giá trị con người tham gia hoạt động sản xuất.
- » Quan tâm và chia sẻ đến những trường hợp khó khăn trong địa bàn Công ty hoạt động và các hoàn cảnh cần đến sự giúp đỡ của cộng đồng trong khả năng của mình.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CỦA BIMICO ĐỊNH KỲ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO TUONG ƯNG VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG THỰC TẾ TRÊN PHẠM VI TOÀN CÔNG TY. CÁC RỦI RO ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ TOÀN DIỆN, CHỦ TRÌ THỰC HIỆN Ở CẤP LÃNH ĐẠO CAO NHẤT DỰA TRÊN CÁC BÁO CÁO CHI TIẾT CỦA TẤT CẢ PHÒNG BAN, BỘ PHẬN. TỪ CÁC RỦI RO VÀ MỨC ĐỘ NGHIÊM TRỌNG ĐÁNH GIÁ ĐƯỢC, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC SẼ TRỰC TIẾP ĐƯA RA CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TRIỂN KHAI.

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế tác động tích cực đến nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm nói chung và đối với các sản phẩm của Công ty nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển ổn định. Tuy nhiên, trong thời kỳ hội nhập kinh tế, nền kinh tế Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan biến động khó lường như: giá nguyên vật liệu tăng, giá dầu, năng lượng,... Những nhân tố trên có khả năng làm cho nền kinh tế biến đổi và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2017, tăng trưởng GDP Việt Nam đạt 6,81%, vượt chỉ tiêu tăng trưởng kế hoạch 6,7% đề ra trước đó. Nền kinh tế đang dần hồi phục, cạnh tranh ngày càng gia tăng. Dự báo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và của

ngành công nghiệp xây dựng, khai khoáng nói riêng vẫn sẽ tiếp tục đối mặt với các rủi ro khó lường trong tương lai, đặc biệt đối với doanh nghiệp có mảng khai thác, chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu doanh thu. Vì vậy, Công ty phải luôn trong tư thế chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, tránh tâm lý chủ quan để có thể sẵn sàng đương đầu với các rủi ro trong nền kinh tế trong và ngoài nước.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế quốc tế, do đó nhiều văn bản pháp luật về Công ty cổ phần (Luật Doanh nghiệp), chứng khoán và thị trường chứng khoán (Luật Chứng Khoán), Thuế (Thu nhập Doanh nghiệp), lĩnh vực hoạt động (Luật Khoáng sản, Luật môi trường) và các luật khác đã và đang được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế.

Do đặc thù ngành nghề của Công ty nên doanh thu của BIMICO phụ thuộc lớn vào mảng khai thác và chế biến khoáng sản. Gần 90% doanh thu của BIMICO đến từ hoạt động khai thác và chế biến các loại đá ở các mỏ Tân Đông Hiệp, Phước Vĩnh và Tân Mỹ. Đồng thời, bản thân ngành khai thác và chế biến khoáng sản cũng có những tác động đến môi trường và dân cư (vận chuyển làm hỏng đường, nổ mìn gây sạt lún, hư hỏng các công trình xây dựng của người dân,...) có thể làm gián đoạn hoạt động khai thác, gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Hàng năm,

Công ty luôn có chính sách mua bảo hiểm cho cán bộ, công nhân viên và các tài sản, vật tư, thiết bị có giá trị lớn. Mức bảo hiểm đủ để Công ty không bị thiệt hại khi có sự cố bất khả kháng xảy ra.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chiếm tỷ trọng rất cao trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương. Các ngành nghề còn lại đang hoạt động với tính chất nhỏ lẻ, chiếm thị phần nhỏ và khả năng cạnh tranh còn yếu trên thị trường. Ngành khai thác và chế biến khoáng sản chịu ảnh hưởng trực tiếp từ việc quản trị tài nguyên của quốc gia nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Việt Nam vẫn luôn nằm trong danh sách các nước có chỉ số quản trị tài nguyên tương đối thấp, dẫn đến tình trạng ngành khai khoáng hoạt động kém hiệu quả.

RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Trong tình trạng trữ lượng tài nguyên khai thác không tái tạo được ngày càng sụt giảm, cộng

với đó là sự hạn chế trong việc quản trị tài nguyên môi trường dẫn đến những khó khăn đặc trưng cho Công ty. Ngoài ra, các yếu tố về trữ lượng, hàm lượng khoáng, chất lượng khoáng sản khai thác... cũng một phần ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO ĐẦU RA

Trong lịch sử, giá của khoáng sản đã giảm từ 2-4 lần vào thời kỳ khủng hoảng. Điều này cho thấy ngành khoáng sản rất nhạy cảm với hiện trạng của nền kinh tế.

RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Đây là một rủi ro khá đặc thù của ngành khoáng sản. Hầu hết các mỏ đều lộ thiên. Vì vậy, những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng đến môi trường. Điều này cũng gây tiềm ẩn rủi ro bị rơi vào những vụ tranh cãi pháp lý hay phản đối của dư luận.

CẠNH TRANH TRONG NỘI BỘ NGÀNH

Hiện nay cả nước có khoảng 2.000 điểm khai thác – chế biến khoáng sản có đăng ký hợp pháp, bên cạnh hàng trăm nghìn cơ sở khai thác bất hợp pháp khác cùng cạnh tranh với nhau. Cạnh tranh chủ yếu giữa các doanh nghiệp cùng khai thác một loại khoáng sản là cạnh tranh về giá, cạnh tranh về hàm lượng khoáng sản tinh chế, cạnh tranh trong việc xin cấp phép mỏ.

RỦI RO TRONG VIỆC THĂM ĐÒ, KHAI THÁC

Một đặc thù của ngành Khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần phải thực hiện thăm dò trữ lượng, chất lượng của mỏ. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí, nhiều thời gian (2-3 năm), nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi (mỏ nằm quá sâu),... khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế - kỹ thuật thì rủi ro chi phí sẽ là rất lớn. Bên cạnh đó, việc được cấp phép thăm dò và khai thác các mỏ mới được áp dụng theo hình thức đấu thầu, do vậy chi phí ban đầu càng bị đẩy lên cao.



TÍCH LŨY **GIÁ TRỊ** GIA TĂNG KINH TẾ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giới thiệu HĐQT	30
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	32
Giới thiệu Ban Kiểm soát	35
Báo cáo của HĐQT	36
Báo cáo của Ban Kiểm soát	42
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	44
Báo cáo hoạt động đầu tư	54
Phân tích tài chính	56

2

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường, BIMICO luôn đặt trọng tâm vào các lĩnh vực kinh doanh chính, đổi mới và sáng tạo liên tục để trở thành nhà cung cấp tin cậy của ngành xây dựng.

**GIỚI THIỆU
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Ông PHAN TẤN ĐẠT
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phan Tấn Đạt từng đảm nhiệm những vị trí then chốt tại các Ngân hàng, doanh nghiệp lớn.

Năm 2009 – 2014, Ông Đạt giữ chức vụ Phó Giám đốc Đầu tư Tài chính Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam; Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần kinh doanh bất động sản Lâm nghiệp Việt Nam; thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Trần Đức.

Từ năm 2015 đến nay, Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ ước.

Từ năm 2016 đến nay, ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Ông NGUYỄN QUỐC PHÒNG
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Phòng là người từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt liên quan đến hoạt động Kế toán – Tài chính tại nhiều doanh nghiệp lớn.

Ông từng đảm nhận vai trò Kế Toán Trưởng chi nhánh Tổng Công ty Vật Tư Nông nghiệp (VIGECAM); phụ trách Phó phòng Tài chính thuộc Công ty Cổ phần VINACAM giai đoạn 2005-2008. Phó Tổng Giám đốc Tài chính tại Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao giai đoạn 2009 – 2013; và Phó Giám đốc phụ trách Tài chính – Kế toán thuộc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu VINA.

Từ tháng 11/2016 đến nay là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Ông HOÀNG VĂN LỘC
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Lộc đã từng là Phó ban phân vùng kinh tế, Trưởng phòng Tổng hợp Ủy ban kế hoạch tỉnh Sông Bé, Chi cục phó chi cục QL Tài Nguyên khoáng sản tỉnh Sông Bé.

Từ năm 1993, ông Lộc là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Từ năm 2006, Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Ông TRẦN NGỌC ĐỈNH
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Ngọc Đỉnh đã có nhiều năm là lãnh đạo cấp cao tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực môi trường.

Ông đã từng là Phó Giám đốc Công ty môi trường Glowtee, Tổng Giám đốc Công ty môi trường Á Đông, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần thể thao Bình Minh.

Từ năm 2016 đến nay, ông Đỉnh là Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ ước và thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Ông CHÂU ANH TUẤN
Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Châu Anh Tuấn là người có kinh nghiệm quản lý và điều hành tại nhiều doanh nghiệp.

Ông hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Socon Vietnam, Tổng Giám đốc – Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp (Descon) và là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông **PHAN TẤN ĐẠT**
Tổng Giám đốc

Ông Phan Tấn Đạt từng đảm nhiệm những vị trí then chốt tại các ngân hàng, doanh nghiệp lớn.

Năm 2009 – 2014 Ông Đạt giữ chức vụ Phó giám đốc Đầu tư Tài chính Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam; Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần kinh doanh bất động sản Lâm nghiệp Việt Nam; thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Trần Đức.

Từ năm 2015 đến nay, Ông giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Căn nhà Mơ ước.

Từ năm 2016 đến nay, ông là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Ông **NGUYỄN QUỐC PHÒNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Phòng là người từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt liên quan đến hoạt động Kế toán – Tài chính tại nhiều doanh nghiệp lớn.

Ông từng đảm nhận vai trò Kế Toán Trưởng chi nhánh Tổng Công Ty Vật Tư Nông nghiệp (VIGECAM); phụ trách Phó phòng Tài chính thuộc Công ty Cổ phần VINACAM giai đoạn 2005 - 2008. Phó Tổng Giám đốc Tài chính tại Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao giai đoạn 2009 – 2013; và Phó Giám đốc phụ trách Tài chính – Kế toán thuộc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu VINA.

Từ tháng 11/2016 đến nay là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Ông **ĐẶNG QUANG THUNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Đặng Quang Thung bắt đầu tham gia công tác quản lý, điều hành tại BIMICO từ những năm đầu thành lập và từng giữ các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty.

Từ năm 1993 đến nay, ông là Bí thư Đảng Ủy kiêm Chủ tịch Công đoàn của BIMICO.

Từ năm 2006 đến nay, ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Ông **NGÔ TRỌNG NGHĨA**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Ngô Trọng Nghĩa đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao nhiều đơn vị.

Ông là Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp Thuận An, Trưởng Ban quản lý dự án Công ty Xây dựng - Tư vấn - Đầu tư Bình Dương, Phó Tổng Giám đốc Công ty Xây dựng - Tư vấn - Đầu tư Bình Dương, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phú Mỹ.

Hiện nay ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương.

Ông **HOÀNG VĂN LỘC**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Văn Lộc đã từng là Phó ban phân vùng kinh tế, Trưởng phòng Tổng hợp Ủy ban kế hoạch tỉnh Sông Bé, Chỉ cục phó chỉ cục Quản lý Tài Nguyên khoáng sản tỉnh Sông Bé.

Từ năm 1993, ông là Phó Giám đốc Công ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương.

Từ năm 2006 đến nay, ông là Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương.

Ông **TRẦN ĐÌNH HÀ**
Phó Tổng Giám đốc

Ông Trần Đình Hà bắt đầu tham gia công tác quản lý, điều hành tại BIMICO từ năm 2000 và từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao ở nhiều đơn vị trực thuộc Công ty.

Năm 2009, Ông là Giám đốc Xí nghiệp Khai thác, Chế biến đá Phước Vĩnh.

Năm 2013 ông là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương và trực tiếp quản lý 03 đơn vị trực thuộc BIMICO.

**GIỚI THIỆU
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)



Ông **NGUYỄN HOÀNH SƠN**
Phó Tổng Giám đốc

Tốt nghiệp Đại học Mở - Địa chất - Ngành chế biến khoáng sản; Thạc Sĩ - Tài chính Ngân hàng tại Đại học Khoa học ứng dụng Tây Bắc Thụy Sĩ - FNHW.

Ông đã từng làm Trưởng ban quản lý dự án Titan Pigment, Trợ lý Hội đồng Quản trị tại Tổng Công ty KS và Thương Mại Hà Tĩnh.

Từ 2010 - 2016, ông đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty TNHH Công nghiệp nặng FPT.

Từ 2010, ông sáng lập và làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần tư vấn KS Quốc Tế S.O.N.

Từ tháng 11/2016, ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc BIMICO, phụ trách về lĩnh vực: Chiến lược, thị trường, R&D và công nghệ thông tin.

Ông **LƯƠNG VÕ HÙNG**
Giám đốc tài chính

Ông Lương Võ Hùng từng làm CFO Công ty TNHH MTV Hypertek thuộc Tập đoàn Sacombank.

Từ 2012 - 2017, ông đảm nhiệm vai trò Trưởng ban Tài chính ngành du lịch thuộc Tập đoàn Thành Thành Công. Quản lý vốn và chịu trách nhiệm XD, giám sát chiến lược phát triển ngắn hạn và dài hạn của ngành. Cũng trong giai đoạn này, ông đảm nhiệm vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf (Mã CK: VNG) nay là Tổng Công ty Cổ phần du lịch Thành Thành Công.

Từ tháng 05/2017, ông tham gia vào Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương với vai trò Giám Đốc tài chính.

Ông **QUÁCH CHÁNH ĐẠI THANH TÂM**
Kế toán trưởng

Ông Quách Chánh Đại Thanh Tâm Tốt nghiệp Đại Học Kinh Tế Tp. Hồ Chí Minh - Ngành Kế Toán Kiểm Toán; Thạc Sĩ - Quản Trị Kinh Doanh tại Đại học OUM Malaysia.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại các Tập đoàn lớn trong nước, đảm nhiệm qua các vị trí: Kế toán trưởng, Giám Đốc Tài chính, Trưởng ban Kiểm soát nội bộ của các Tập đoàn: TongYuan, Kinh Đô, Highlands, Khaisilk Group, CT Group, Trung Nguyên, Thành Thành Công, Đông Phương Group.

Hiện nay, ông giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương.

**GIỚI THIỆU
BAN KIỂM SOÁT**



Bà **NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU**
Thành viên

Ông **LÊ CÔNG SƠN**
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông **MAI VĂN LỊCH**
Thành viên

277
TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN SAU THUẾ
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2017

+34%
SO VỚI NĂM 2016,
VƯỢT 15% SO VỚI KẾ
HOẠCH NĂM 2017



**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT
ĐỘNG CỦA CÔNG TY**



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THỐNG NHẤT VỚI KẾT QUẢ BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ SẢN LƯỢNG, DOANH THU, LỢI NHUẬN, NỘP THUẾ, VIỆC LÀM VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG, QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐỒNG, ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, THỰC HIỆN NGHĨA VỤ XÃ HỘI... ĐỀU ĐƯỢC BÁO CÁO ĐẦY ĐỦ VÀ PHẢN ÁNH ĐÚNG TÌNH HÌNH THỰC TẾ CỦA CÔNG TY. HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 CÔNG TY ĐÃ KHẲNG ĐỊNH SỰ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÚNG ĐỊNH HƯỚNG.

Hội đồng Quản trị đã họp định kỳ và ban hành các nghị quyết trong đó có các nghị quyết, như sau:

1. Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản V/v Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
2. Thành lập Ban Tái cấu trúc Công ty.
3. Chuyển nhượng dự án Bình Đức Tiến.
4. Chọn đơn vị kiểm toán.
5. Thành lập mới Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp KSB

Ngoài ra còn các nghị quyết liên quan đến nhân sự lãnh đạo cấp Công ty, Giám đốc Tài chính; chi trả cổ tức,...

Hội đồng Quản trị đã phê duyệt nội dung Báo cáo của Tổng Giám Đốc về kết quả SX - KD năm 2017: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế, thu nhập của người lao động, quyền lợi của Cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường và thực hiện các nghĩa vụ xã hội. Các chỉ tiêu chính kết quả SXKD năm 2017 như sau:

STT	Nội dung	Kế hoạch 2017 (đồng)	Thực hiện 2017 (đồng)	So sánh thực hiện 2017 với	
				KH 2017	TH 2016
I	Khai thác, CB khoáng sản	796.884.000.000	852.397.745.432	107%	114%
II	Sản xuất VLXD	72.735.000.000	83.503.563.084	115%	124%
III	Sản xuất nước, dịch vụ	8.381.000.000	6.998.595.775	84%	47%
IV	Bất động sản	137.000.000.000	149.795.058.508	109%	843%
V	Doanh thu tài chính và các hoạt động KD khác	10.000.000.000	30.086.264.492	301%	185%
	Tổng doanh thu	1.025.000.000.000	1.122.781.227.291	110%	130%
VI	Lợi nhuận				
1	Lợi nhuận trước thuế	300.000.000.000	347.238.418.155	116%	134%
2	Lợi nhuận sau thuế	240.000.000.000	277.208.577.730	116%	135%

» Kết quả SXKD năm 2017 là rất tích cực, các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, nộp thuế, lợi nhuận đều đạt và vượt kế hoạch, tăng cao so với cùng kỳ năm 2016. Đã khẳng định Công ty ổn định và phát triển đúng định hướng. HĐQT ghi nhận sự nỗ lực, năng động, linh hoạt và quyết tâm của Ban điều hành trong SXKD.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



VƯỢT LÊN TRÊN NHỮNG KHÓ KHĂN CHUNG CỦA NỀN KINH TẾ, NĂM 2017, BIMICO ĐÃ CÓ ĐƯỢC MỘT NĂM TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC NHỜ VIỆC TẬN DỤNG NHỮNG LỢI THẾ SẴN CÓ VÀ BIẾT NẮM BẮT THỜI CƠ. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH MÀ BIMICO ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2017 LÀ MỘT MINH CHỨNG CHO SỰ TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG CỦA BIMICO CÙNG VỚI VIỆC TẠO RA NHIỀU GIÁ TRỊ TO LỚN CHO CÔNG TY, CỔ ĐỒNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG...



347

TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2017

+34%
SO VỚI NĂM 2016

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- » Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp

để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

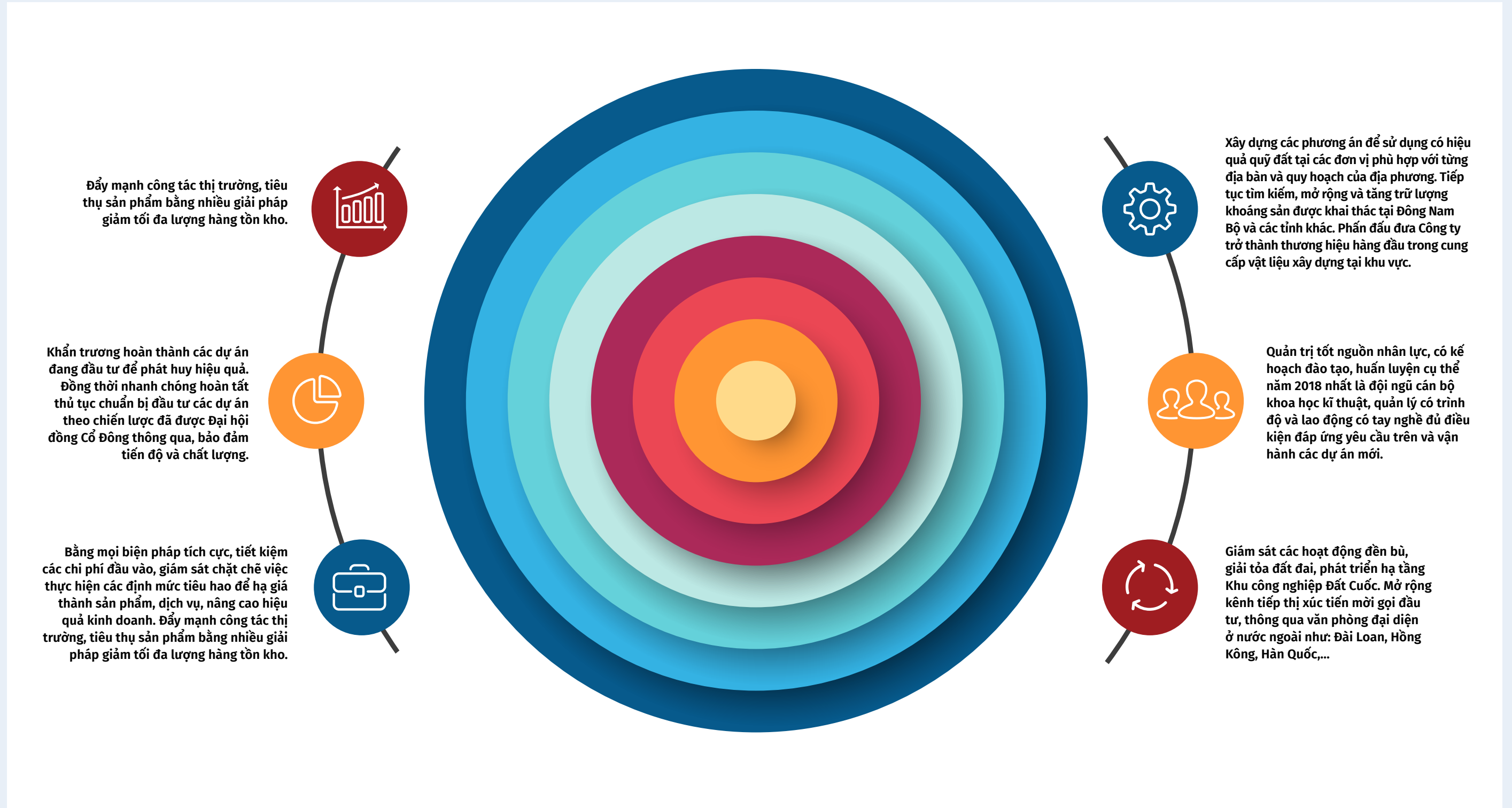
Ban Tổng Giám đốc cũng giám sát tiến độ thực hiện các đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ: dự án về mỏ khoáng sản, đền bù các mỏ, đầu tư thiết bị nâng công suất mỏ, các dự án về bất động sản.

Các mục tiêu định hướng đã và đang được thực hiện:

- 1. Hoàn thành xong thủ tục và được cấp phép khai thác mỏ đá Phước Vĩnh.**
- 2. Tìm kiếm sang nhượng mỏ mới.**
- 3. Xin chủ trương cho phép khai thác xuống sâu coste -150m đối với mỏ đá Tân Đông Hiệp.**
- 4. Đầu tư tăng công suất khai thác của mỏ đá Phước Vĩnh, mỏ đá Tân Mỹ.**
- 5. Đền bù mở rộng diện tích các mỏ khoáng sản đang khai thác.**
- 6. Công ty TNHH MTV KSB IDC đã được thành lập, tiếp tục dự án mở rộng theo các giai đoạn đã được phê duyệt.**

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dựa trên hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và nhận định về thị trường trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng Quản trị đã đưa ra kế hoạch và định hướng phát triển cho BIMICO như sau:



BAN KIỂM SOÁT KIỂM TRA CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và Công ty con của Công ty.

VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Năm 2017 cùng với thành tựu chung của kinh tế cả nước (GDP đạt mức 6,81% - tăng 0,11% so với kế hoạch), lần đầu tiên Công ty đã vượt qua mốc doanh thu 1.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế tăng cao. Cụ thể:

- Tổng doanh thu: Đạt 1.122,8 tỷ đồng - Vượt 10% so với kế hoạch năm 2017, tăng 30% so với năm 2016.

- Lợi nhuận trước thuế: Đạt 347,2 tỷ đồng - Vượt 16% so với kế hoạch năm 2017, tăng 34% so với năm 2016.

Đây là thành quả chung của Cán bộ CNV trong Công ty nhưng cũng mang rõ dấu ấn của HĐQT, Ban Điều hành đã năng động, mạnh dạn và quyết liệt trong chỉ đạo SXKD.

Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT đã được Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát, tổ chức thực hiện, đồng thời kiểm tra giám sát chặt chẽ. Đưa Công ty phát triển ổn định, tài chính lành mạnh.

Công tác hỗ trợ các địa phương (theo Luật khoáng sản) và các chế độ, chính sách cho người lao động Công ty đã thực hiện tốt, tạo sự đồng thuận cao của cộng đồng dân cư trong khu vực và tăng niềm tin của người lao động.

VỀ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm soát tình hình thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT năm 2017. Kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Xem xét các báo cáo tài chính quý, năm, xem xét việc trích lập và sử dụng các nguồn quỹ.

Qua công tác kiểm soát, Ban Kiểm soát nhận thấy HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình và tuân thủ theo các quy định của điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

Ban Kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý khác của Công ty.

Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản v/v thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Trong năm 2017 và đến thời điểm báo cáo, Ban Kiểm soát chưa nhận được các đơn thư khiếu nại, thắc mắc gì của các Cổ đông.

KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2018, Ban Kiểm soát đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

» Sắp xếp lại các đầu mối sản xuất, chuyển đổi, cho thuê những đơn vị có hiệu quả thấp, tạo tiền đề thực hiện tái cấu trúc Công ty.

» Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kịp thời các định mức kinh tế kỹ thuật theo hướng tiết kiệm tối đa chi phí, hạ giá thành, tạo lợi thế cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm.

» Sớm ban hành, sửa đổi và bổ sung các quy chế, quy định cho phù hợp với mô hình quản lý của Công ty, sắp xếp bộ máy tinh gọn, hiệu quả.

» Các dự án (đầu tư phục vụ sản xuất, mua sắm mới,...) cần khẩn trương triển khai để phát huy hiệu quả.

» Tiếp tục cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính rườm rà, giấy tờ không cần thiết, lập dữ liệu tập trung phục vụ tốt cho hoạt động SXKD.



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

1 Tuân thủ, thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018 và các nghị quyết của HĐQT. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

2 Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, tình hình thực hiện kế hoạch, các định mức kinh tế kỹ thuật, các dự án đầu tư, mua sắm tài sản.

3 Thực hiện kiểm tra việc trích lập và sử dụng các nguồn quỹ do ĐHĐCĐ phê duyệt, xem xét báo cáo quyết toán từng quý, năm 2018 và các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ. Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

» Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho Cổ đông của BIMICO.

» Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ra hàng năm.

» Đồng thời Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Quản trị, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2017

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Kết quả kinh doanh	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	849,8	1.094,1	28,7%
Giá vốn hàng bán	506,7	659,9	30,2%
Lợi nhuận gộp	343,1	434,2	26,5%
Doanh thu hoạt động tài chính	7,2	15,2	110,3%
Chi phí tài chính	0,2	-	-
Chi phí bán hàng	60,9	60,5	-0,70%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	34,5	47,2	37,0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	254,8	341,7	34,1%
Thu nhập khác	9,0	13,5	49,8%
Chi phí khác	5,5	8,0	44,5%
Lợi nhuận khác	3,5	5,5	58,1%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	258,3	347,2	34,5%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	205,8	277,2	34,7%

Năm 2017, hoạt động kinh doanh của BIMICO đạt hải những thành quả tích cực khi doanh thu thuần đạt 1.094,1 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh mẽ 28,7% so với năm 2016.

434,2
TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN GỘP

Lợi nhuận gộp của BIMICO đạt 434,2 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận gộp đạt 26,5%, nhờ Công ty đã tối ưu hóa khả năng sản xuất, duy trì được giá bán hợp lý và tiết kiệm chi phí góp phần làm cho lợi nhuận gộp tăng cao.

Chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ. Năm 2017, công tác quản lý chi phí của BIMICO tiếp tục được chú trọng, dù mở rộng sản xuất nhưng tỷ lệ các khoản chi phí so với doanh thu thuần vẫn giảm nhẹ xuống còn 70,2% so với năm 2016 ở mức 70,8%. Trong đó đáng chú ý nhất đó là tỷ lệ Chi phí bán hàng/DTT giảm xuống còn 5,5% so với mức 7,2% của năm 2016.

CƠ CẤU CHI PHÍ	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Giá vốn hàng bán/DTT	%	64,3	59,6	60,3
Chi phí bán hàng/DTT	%	8,4	7,2	5,5
Chi phí quản lý doanh nghiệp/DTT	%	5,9	4,1	4,3
Tổng chi phí	%	78,5	70,8	70,2

Với những nỗ lực trong công tác quản lý chi phí, kiểm soát giá vốn cùng những chính sách điều hành hoạt động hợp lý đã giúp cho lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 277 tỷ đồng trong năm 2017, tăng 34,72% so với năm ngoái và hoàn thành 115,42% kế hoạch năm.

Hệ số lợi nhuận biên cũng cải thiện tích cực đạt 39,68% trong khi năm 2016 dừng ở mức 24,21%, đánh dấu đã cải thiện tích cực trong hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm vừa qua.

39,7
% (PHẦN TRĂM)
HỆ SỐ LỢI NHUẬN BIÊN

NHẬN XÉT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2017, các chỉ tiêu cơ bản về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách đều đạt và vượt kế hoạch, tăng cao so với năm 2016 là do:

- Hội đồng Quản trị thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành hoàn thành nhiệm vụ của mình.
- Các cơ quan ban ngành, địa phương luôn đồng hành và hỗ trợ doanh nghiệp.
- Tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCN lao động, sự năng động, linh hoạt của Ban Điều hành và bộ máy quản lý.
- Được sự cộng tác của khách hàng truyền thống, sự chia sẻ của các cổ đông lớn giúp cho Hội đồng Quản Trị và Ban Điều hành có những giải pháp thích hợp, kịp thời từng thời điểm.

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn nhiều tồn tại:

- Một số đơn vị hoạt động hiệu quả thấp, sản phẩm khô tiêu thụ: Đá Tân Mỹ, cao lanh nguyên khai, cao lanh lọc làm ảnh hưởng đến đời sống người lao động và hiệu quả kinh doanh chung toàn Công ty.
- Các điều kiện để bảo đảm an toàn lao động đã được quan tâm thường xuyên nhưng nguy cơ mất an toàn vẫn còn, đặc biệt là các đơn vị khai thác và chế biến khoáng sản.
- Nhiệm vụ tái cấu trúc của Công ty chậm được thực hiện, bộ máy quản lý còn cồng kềnh, có những lĩnh vực hiệu quả chưa cao.
- Công tác thị trường còn hạn chế, chưa có giải pháp kịp thời xoay chuyển tình hình khi thị trường diễn biến không thuận lợi.
- Giữ vệ sinh môi trường tại một số đơn vị có những thời điểm còn bất cập, chưa thực hiện đúng theo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) đã được phê duyệt và các cam kết khác về môi trường.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2017 LÀ CĂN BẢN SO VỚI MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2017, LÀM CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2018, VÀ LÀ TIỀN ĐỀ ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH, ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN VÀ MỞ RỘNG SẢN XUẤT TRONG TƯƠNG LAI VỀ QUI MÔ CŨNG NHƯ HIỆU QUẢ.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2017 (tiếp theo)

CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

STT	Lĩnh vực SX/cơ cấu sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So sánh thực hiện 2017 với	
						KH 2017	TH 2016
I	NGÀNH KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN						
1	ĐÁ XÂY DỰNG						
1.1	Khai thác đá hợp	m³	4.200.000	4.245.093	3.883.012	101%	109%
	Mỏ đá Tân Đông Hiệp	m ³	2.000.000	2.156.351	2.226.153	108%	97%
	XN đá Phước Vĩnh	m ³	1.100.000	1.325.079	824.107	120%	161%
	Mỏ đá Tân Mỹ	m ³	1.100.000	763.663	832.752	69%	92%
1.2	Chế biến đá	m³	3.293.000	3.782.782	3.640.882	115%	104%
	Mỏ đá Tân Đông Hiệp	m ³	1.840.000	2.058.036	2.158.497	112%	95%
	XN đá Phước Vĩnh	m ³	1.075.000	1.328.143	816.423	124%	163%
	Mỏ đá Tân Mỹ	m ³	378.000	396.603	665.962	105%	60%
2	CAO LẠNH						
2.1	Khai thác cao lanh	m³	70.000	67.781	57.579	97%	118%
	Mỏ Tân Thành, Tân Lập	m ³	50.000	52.474	57.579	105%	91%
	Mỏ Minh Long	m ³	20.000	15.307	-	-	-
2.2	Chế biến cao lanh	tấn	31.500	42.109	22.239	134%	189%
	Chế biến lọc	tấn	15.000	13.995	14.947	93%	94%
	- Mỏ Tân Thành, Tân Lập	tấn	7.500	6.379	7.391	85%	86%
	- Mỏ Minh Long	tấn	7.500	7.616	7.556	102%	101%
	Chế biến nghiền (bột)	tấn	16.500	27.694	14.848	168%	187%
	- Mỏ Tân Thành, Tân Lập	tấn	7.500	16.644	6.011	222%	277%
	- Mỏ Minh Long	tấn	9.000	11.050	8.837	123%	125%
2.3	Cát trắng tận thu tại Mỏ Tân Lập	m³	10.000	10.490	784	105%	1338%
	Mỏ Tân Thành, Tân Lập	m ³	10.000	7.379	784	-	941%
	Mỏ Minh Long	m ³	-	3.111	-	-	-
3	Khai thác cát Dầu Tiếng	m³	100.000	48.996	119.377	49%	41%
4	Khai thác sét gạch ngói	m³	90.000	51.287	-	57%	0%
II	SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG						
1	Gạch xây dựng các loại	viên	43.200.000	43.917.697	38.012.831	102%	116%
	Gạch Tuynel	viên	43.000.000	43.885.767	37.883.636	102%	116%
	Gạch Block	viên	200.000	31.930	129.195	16%	25%
2	Cống bê tông	mét	50.500	55.633	56.328	110%	99%
III	SẢN XUẤT NƯỚC TINH KHIẾT ĐÓNG CHAI						
	Nước tinh khiết đóng chai	lít	5.000.000	4.189.691	4.673.039	84%	90%
IV	KHU CÔNG NGHIỆP ĐẤT CƯỚC						
	Công ty TNHH KSB IDC	ha	15	30,83	9	206%	343%

I. Ngành Khai thác, chế biến Khoáng sản

Ngành khai thác đá: Thực hiện vượt chỉ tiêu so với Kế hoạch năm 2017 là 1%, tăng so với năm 2016 là 9%. Trong đó:

» Mỏ đá Tân Đông Hiệp: do việc khai thác xuống sâu gặp nhiều khó khăn nên sản lượng năm nay so với năm 2016 thấp hơn 3%, nhưng với sự cố gắng của tập thể cán bộ nhân viên nên sản lượng năm 2017 vượt 8% so với kế hoạch đề ra.

» Đối với mỏ đá Phước Vĩnh, việc ban hành cơ chế quản lý mới đã tạo động lực cho Xí nghiệp hoàn thành vượt 20% so với kế hoạch và tăng 61% so với năm 2016.

II. Sản Xuất Vật liệu xây dựng

Gạch xây dựng các loại: thực hiện vượt so với kế hoạch 2017 là 2%, tăng 16% so với năm 2016.

Cống bê tông: thực hiện vượt 10% so với kế hoạch 2017 và bằng 99% so với năm 2016. Thị trường vật liệu xây dựng tiêu thụ trong năm nhìn chung tương đối ổn định nên các xí nghiệp hoàn thành tốt các kế hoạch đề ra.

III. Sản Xuất nước tinh khiết đóng chai

Nước tinh khiết đóng chai: Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết (mùa mưa kéo dài) nên sản lượng chỉ đạt 84% so với kế hoạch 2017 và bằng 90% so với năm 2016.

IV. Khu Công nghiệp Đất Cước

Công ty TNHH KSB IDC: Nhờ đẩy mạnh công tác tiếp thị tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới nên thực hiện năm 2017 vượt 7% so với kế hoạch, đạt 344% so với thực hiện 2016.

» Năm 2017, thị trường tiêu thụ còn gặp rất nhiều khó khăn nên sản lượng khai thác tại Mỏ Tân Mỹ chỉ đạt 69% so với kế hoạch và bằng 92% so với năm 2016.

Ngành Khai thác và chế biến Cao lanh: Khai thác đạt 97% so với kế hoạch 2017, tăng 18% so với thực hiện 2016. Chế biến cao lanh lọc đạt 93% so với kế hoạch 2017, tăng 89% so với thực hiện 2016. Chế biến cao lanh bột tăng 71% so với kế hoạch 2017 và 90% so với năm 2016. Mưa trái mùa liên tiếp trong năm làm việc khai thác cao lanh bị gián đoạn, bên cạnh đó thị trường tiêu thụ cao lanh lọc

còn hạn hẹp, chưa tìm kiếm được khách hàng mới.

Khai thác cát Dầu Tiếng: Trong năm chỉ đạt 49% so với Kế hoạch 2017, giảm so với năm 2016 là 59% do UBND Tỉnh Bình Dương ban hành công văn số 2088/UBND-KTN ngày 25/05/2017 yêu cầu tạm dừng hoạt động khai thác cát, tổ chức kiểm tra, phát hiện và chấn chỉnh vi phạm Pháp luật về khai thác cát xây dựng trong lòng hồ Dầu Tiếng.

Khai thác sét gạch ngói: Đạt 57% so với Kế hoạch 2017 do mỏ mới đưa vào khai thác nên thị trường tiêu thụ chưa thuận lợi.



**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2017** (tiếp theo)

TÌNH HÌNH CÁC MỎ

STT	Tên mỏ	Diện tích (ha)	Diện tích đã đền bù ngoài mỏ (ha)	Thời hạn	Trữ lượng (m ³)	
					Cấp phép	Còn lại
A	CÁC MỎ ĐÁ					
I	Mỏ đá Tân Đông Hiệp Giấy phép số 01/GP-UBND ngày 06/01/2016. Đã đền bù khai thác: 22,82 ha.	22,82	-	31/12/2017	4.222.111	834.035
II	Mỏ đá Tân Mỹ Giấy phép số 134/GP-UBND ngày 28/08/2015. Đã đền bù khai thác: 32,18 ha. Chưa đền bù : 8,78 ha.	40,96	9,9	28/08/2029	22.326.387	19.170.457
III	Mỏ đá Phước Vĩnh Giấy phép số 137/GP-UBND ngày 13 tháng 07 năm 2017 Đã đền bù khai thác: 29,62 ha.	29,62	-	13/01/2023	10.627.089	5.144.588
IV	Mỏ Tam lập (dự kiến) Diện tích 16,3 ha gồm 15,153 ha theo ranh đất đã đền bù và 1,15 ha hành lang suối	16,3	-	-	7.624.382	7.624.382
B	MỎ SÉT BỐ LÁ Giấy phép số 162/GP-UBND ngày 29/09/2015. Đã đền bù khai thác: 8,09 ha. Chưa đền bù: 3,63 ha.	11,72	-	29/09/2021	1.488.532	1.436.874
C	MỎ CÁT DẦU TIẾNG Giấy phép số 10/GP-UBND ngày 10/02/2010. Đã đền bù khai thác: 82,06 ha.	82,06	-	10/02/2020	1.003.638	334.126
D	CÁC MỎ CAO LẠNH					
I	Mỏ cao lanh Tân Lập Giấy phép số 2453/QĐ-ĐCKS ngày 19/10/1999. Đã đền bù khai thác: 18,993 ha. Chưa đền bù: 5,007 ha.	24	-	19/10/2021	1.248.016	-
II	Mỏ cao lanh Minh Long Giấy phép số 386/GP-BTNMT ngày 07/03/2011. Đã đền bù khai thác: 13,928 ha. Chưa đền bù: 50,072 ha.	64	0,942	07/09/2038	7.924.085	7.793.854

TÌNH HÌNH ĐẤT ĐAI

Tính đến 31/12/2017 tổng quỹ đất của toàn Công ty là: 4.696.700 m² (gần 470 ha), cụ thể tại các đơn vị đang quản lý và sử dụng như sau:

STT	Nội dung	Diện tích (ha)
I	Xí nghiệp Tân Đông Hiệp	31,19
II	Xí nghiệp Tân Mỹ, bến thủy Tân Mỹ	44,67
III	Xí nghiệp đá Phước Vĩnh	81,05
1	Mỏ đá Phước Vĩnh	53,81
2	Khu đất mỏ Tam Lập	16,30
3	Mỏ sét Bồ Lá	10,93
IV	Xí nghiệp cao lanh Tân Thành	22,87
1	Mỏ cao lanh Tân Lập	19
2	Xưởng chế biến cao lanh Tân Thành	4,33
V	Chi nhánh cao lanh Minh Long	14,87
VI	Xí nghiệp Cát Dầu Tiếng	1,10
1	Bãi cát Định An	0,48
2	Bãi cát Minh Hòa	0,62
VII	Nhà máy gạch Bình Phú và nhà ở CN	4,96
1	Nhà máy gạch Bình Phú	4,35
2	Nhà ở công nhân nhà máy gạch (mỏ KB)	0,61
VIII	Khu văn phòng Công ty (gồm có XN nước, nhà hàng tiệc cưới, văn phòng)	1,75
IX	Khu công nghiệp Đất Cuốc	267,21
1	Khu A	102,10
2	Khu B	108,52
3	Đất đền bù mở rộng	54,99
4	Đất đền bù xây dựng hướng thoát nước	1,61
TỔNG CỘNG TOÀN CÔNG TY		469,67

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2017 (tiếp theo)

BẤT ĐỘNG SẢN

KHU CÔNG NGHIỆP ĐẤT CUỐC

Từ ngày 23/10/2017 đã chuyển đổi thành Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp KSB (Viết tắt là: KSB IDC) theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐQT – Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702613027, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2017. Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

Đến 31/12/2017, tổng số dự án đăng ký đầu tư vào KCN Đất Cuốc là 55 dự án. Trong đó, 16 dự án doanh nghiệp trong nước và 39 dự án do các doanh nghiệp nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật, Đài loan, Hồng Kông, Malaysia, Trung Quốc, ...) với tổng diện tích 109,62 ha. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Đvt	Khu A	Khu B	Tổng
1	Số dự án đầu tư	Dự án	37	18	55
2	Diện tích đã cho thuê	ha	56,31	53,31	109,62
3	Tỷ lệ lấp đầy	%	90,8	78,3	84,3
4	Diện tích còn tồn	ha	5,71	14,77	20,48

Ghi chú: Sử dụng nội bộ (đầu tư nhà máy bê tông đúc sẵn): 4,25 ha.

- Dự án đầu tư mở rộng giai đoạn 1: Tổng diện tích mở rộng giai đoạn 1 (cả khu A và Khu B) sau khi điều chỉnh ranh là 129,68 ha. Đến thời điểm 31/12/2017, diện tích đã đền bù là 55 ha (Trong đó năm 2017 là 31,145 ha) tương ứng số tiền: **169.845.059.246 đồng.**

+ Đền bù mở rộng diện tích : 112.125.668.375 đồng.
+ Nộp tiền thuê đất và lệ phí trước bạ : 56.337.724.352 đồng.
+ Chi phí dịch vụ : 1.381.666.519 đồng.
Diện tích còn lại chưa đền bù là: 74,68 ha.

- Đầu tư xây dựng cơ bản, dịch vụ : 3.537.149.439 đồng, trong đó:

+ Máy móc, thiết bị : 598.386.000 đồng
+ Xây dựng cơ bản : 2.938.763.439 đồng

DỰ ÁN NHÀ Ở BÌNH ĐỨC TIẾN

Địa điểm : Khu phố Bình Đức, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An, Bình Dương.
Diện tích sử dụng : 26.745,2 m²
Đất xây dựng nhà ở : 16.458 m²
Số lượng căn hộ : 146 căn

Đã chuyển nhượng dự án cho Công ty CP Phát triển Bất động sản Thuận Tiến theo hợp đồng ngày 26/10/2017 với tổng giá trị: **120.000.000.000 đồng.**

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện năm 2017	Giá trị chuyển tiếp năm 2018
A	Đầu tư máy móc, thiết bị, tài sản cố định	59.768.922.533	41.880.391.709	17.888.530.824
A.1	Nâng cấp tăng công suất máy số 01 tại XN đá Tân Mỹ	2.606.611.480	2.476.280.906	130.330.574
A.2	Đầu tư hệ thống máy nghiền sàng đá 350 tấn/giờ tại Phước Vĩnh	18.447.000.000	17.582.400.000	864.600.000
A.3	Đầu tư hệ thống máy nghiền sàng đá 250 tấn/giờ tại Phước Vĩnh	12.850.000.000	3.855.000.000	8.995.000.000
A.4	Đầu tư HT máy nghiền đá cát tại Phước Vĩnh	21.380.483.781	13.786.434.531	7.594.049.250
	- Thiết bị xay nghiền	19.867.983.781	13.332.684.531	6.535.299.250
	- Trạm biến áp 2000 kVA	1.512.500.000	453.750.000	1.058.750.000
A.5	Tài sản cố định:	4.484.827.272	4.180.276.272	304.551.000
	- Xe ô tô phục vụ công tác, khai thác mỏ	2.814.863.636	2.814.863.636	-
	- Búa đập đá	601.363.636	601.363.636	-
	- Máy ép đùn gạch tuynel	1.068.600.000	764.049.000	304.551.000
B	Xây dựng cơ bản	6.108.326.627	5.999.599.296	108.727.331
B.1	Đổ bê tông đường giao thông nông thôn và xây dựng hệ thống thoát nước qua bến thủy tại mỏ đá Tân Mỹ	497.835.285	497.835.285	-
B.2	Thoát nước mặt đường đường ĐT746 đoạn qua bến thủy nội địa tại Tân Mỹ	381.286.783	362.222.444	19.064.339
B.3	Láng nhựa đường vào mỏ đá Phước Vĩnh	1.112.081.167	1.112.081.167	-
B.4	Thi công cống tăng cường thoát nước Suối Siếp mỏ Tân Đông Hiệp	1.761.415.414	1.761.415.414	-
B.5	Kè bê tông hai bên đường vận chuyển đá hạch mỏ Tân Đông Hiệp	1.793.259.846	1.703.596.854	89.662.992
B.6	Xây dựng cơ bản khác	562.448.132	562.448.132	-
	Tổng cộng	65.877.249.160	47.879.991.005	17.997.258.155

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN:

Hoàn thiện các thủ tục và được UBND Tỉnh Bình Dương cấp Giấy phép khai thác mỏ đá Phước Vĩnh (Số 137/GP-UBND ngày 13/07/2017):

» Diện tích : 29,62 ha
» Độ sâu : Cotes -20m
» Trữ lượng ; 10.627.089 m³ nguyên khối
» Thời gian khai thác : 5,5 năm kể từ ngày 13/07/2017
Sang nhượng quyền sử dụng đất cho khai thác mỏ ; 3.187.668.000 đồng
Bóc đất tầng phủ và giải tỏa đá phong hóa : 5.813.749.159 đồng
» Mỏ đá Phước Vĩnh : Diện tích 23.191 m² - Khối lượng: 234.506 m³
» Mỏ sét Bó Lá ; Diện tích 7.020 m² - Khối lượng: 22.745 m³
» Mỏ đá Tân Mỹ : Diện tích 34.044 m² - Khối lượng: 255.027 m³

CÁC ĐẦU TƯ KHÁC:

Trong năm, theo nhu cầu sản xuất Công ty đã đầu tư sửa chữa các máy móc, thiết bị cơ giới; phương tiện vận tải với số tiền là: **6.714.853.540 đồng.**

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

TRONG NĂM 2017 BIMICO CÓ SỰ CẢI TIẾN LỚN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ NHÂN SỰ. ĐỒNG THỜI LUÔN THỰC HIỆN ĐÚNG VÀ TUÂN THỦ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

Rà soát và điều chỉnh kịp thời các định mức kinh tế kỹ thuật. Ban hành, sửa đổi một số quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

Chấp hành và tuân thủ các quy định của pháp luật trong SXKD. Bảo đảm an toàn lao động, hạn chế thấp nhất các ảnh hưởng đến môi trường.

Tăng quyền chủ động cho các Xí nghiệp trong điều hành SXKD. Năm 2017 thực hiện khoán sâu cho Xí nghiệp đá Phước Vĩnh (khoản sản lượng, doanh thu, lợi nhuận).

Giảm bớt các thủ tục hành chính, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Tiếp tục cho thuê đối với Trung tâm hội nghị tiệc cưới và Xí nghiệp cát Dầu Tiếng do hiệu quả kinh doanh thấp.

Các dự án đầu tư sau khi nghiệm thu đưa vào sử dụng đều phát huy hiệu quả tốt.

Kết quả kiểm tra, các cơ quan chức năng đã đánh giá Công ty chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật.



CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG

STT	Sản phẩm	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
I	Khai thác, chế biến Khoáng sản			
1	Đá xây dựng			
1.1	Khai thác đá hộc	m ³	4.245.093	4.700.000
	- Mỏ đá Tân Đông Hiệp	m ³	2.156.351	2.000.000
	- XN đá Phước Vĩnh	m ³	1.325.079	1.500.000
	- Mỏ đá Tân Mỹ	m ³	763.663	1.200.000
1.2	Chế biến đá	m ³	3.782.782	3.907.147
	- Mỏ đá Tân Đông Hiệp	m ³	2.058.036	1.956.535
	- XN đá Phước Vĩnh	m ³	1.328.143	1.498.488
	- Mỏ đá Tân Mỹ	m ³	396.603	452.124
2	Cao lanh			
2.1	Khai thác cao lanh	m ³	67.781	66.200
	- Mỏ Tân Thành, Tân Lập	m ³	52.474	20.000
	- Mỏ Minh Long	m ³	15.307	46.200
2.2	Chế biến cao lanh	tấn		
	- Chế biến lọc	tấn	13.995	16.500
	+ Mỏ Tân Thành, Tân Lập	tấn	6.379	7.500
	+ Mỏ Minh Long	tấn	7.616	9.000
	- Chế biến nghiền (bột)	tấn	27.694	24.000
	+ Mỏ Tân Thành, Tân Lập	tấn	16.644	12.000
	+ Mỏ Minh Long	tấn	11.050	12.000
2.3	Cát trắng tận thu tại Mỏ Tân Lập	m ³	10.490	10.000
	- Mỏ Tân Thành, Tân Lập	m ³	7.379	5.000
	- Mỏ Minh Long	m ³	3.111	5.000
3	KT cát xây dựng lòng hồ Dầu Tiếng	m ³	48.996	-
4	Khai thác sét gạch ngói	m ³	51.287	100.000
II	Sản xuất vật liệu xây dựng			
1	Gạch xây dựng các loại	viên	43.917.697	45.000.000
	- Gạch Tuynel	viên	43.885.767	45.000.000
	- Gạch Block	viên	31.930	-
2	Cống bê tông	mét	55.633	55.000
III	Sản xuất Nước tinh khiết đóng chai	lít	4.189.691	4.500.000
IV	Công ty TNHH KSB IDC	ha	30,83	40

**CÁC DỰ ÁN VÀ HOẠT ĐỘNG
ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SXKD**

CÁC DỰ ÁN VỀ MỎ KHOÁNG SẢN NĂM 2018

- » Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để được cấp phép khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp xuống cotes -150m theo kế hoạch của Công ty.
- » Xin chủ trương của UBND tỉnh về việc cho phép thăm dò, khai thác mỏ đá Tam Lập: Diện tích 16,3 ha, trữ lượng 7.624.382 m³.
- » Triển khai việc tìm kiếm, thăm dò xin giấy phép cấp mỏ mới hoặc sang nhượng các mỏ khoáng sản để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại khu vực Đông Nam Bộ và các tỉnh khác, khoảng 450 tỷ đồng.
- » Tiếp tục thực hiện đền bù mở rộng các mỏ:

STT	Đơn vị quản lý và sử dụng	Diện tích (ha)	Số tiền dự kiến (đồng)	Ghi chú
I	Xí nghiệp đá Tân Mỹ	8,6	51.390.600.000	
II	Xí nghiệp đá Phước Vĩnh	24,6	91.900.000.000	
A	Mỏ đá Phước Vĩnh	4,1	16.400.000.000	Làm sân CN, bãi thải
B	Khu đất mỏ Tam Lập	7,5	30.000.000.000	Mở mỏ mới
C	Mỏ sét Bồ Lá	13,0	45.500.000.000	Mở rộng mỏ
III	CN KT&CB Minh Long	3,0	9.000.000.000	Mở rộng mỏ
Tổng Cộng		36,2	152.290.600.000	

DỰ ÁN MỞ RỘNG ĐẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY KSB IDC

- » Chuyển diện tích 2,72 ha đất cây xanh mặt trước khu công nghiệp sang đất TMDV.
- » Lập quy hoạch chuyển diện tích 04 ha đất tại XN cao lanh Tân Thành đầu tư xây dựng hình thành khu dân cư.
- » Lập thủ tục thu hồi, giao/cho thuê đất đã đền bù đủ điều kiện đầu tư thi công cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt (diện tích 30 ha).

STT	Nội Dung	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Xây dựng cơ sở hạ tầng phần mở rộng GĐ1	65,0 ha	1.794.209.596	116.623.428.770
2	Giải tỏa đền bù mở rộng GĐ1	74,68 ha	3.027.190.047	194.951.039.026
3	Đầu tư CSHT và chuyển mục đích khu dân cư 4 ha	4,0 ha	10.090.000.000	40.360.000.000
4	Đầu tư CSHT và chuyển mục đích khu TMDV	2,7 ha	16.007.778.312	43.541.157.009
5	Các khoản đầu tư khác			22.221.671.496
Tổng cộng				417.697.296.301

Nguồn vốn đầu tư:

- » Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.
- » Nguồn cho thuê 20 ha còn lại của KCN, nguồn thu từ chuyển nhượng khu TM dịch vụ.
- » Nguồn vốn vay từ ngân hàng thương mại.

ĐẦU TƯ MỞ RỘNG, PHỤC VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH

- » Chuyển tiếp từ năm 2017 qua : 17.692.707.155 đồng
- » Đầu tư máy móc thiết bị : 28.781.104.463 đồng
- » Đầu tư xây dựng cơ bản, tài sản cố định : 35.833.678.711 đồng
- » Đầu tư phục vụ sản xuất tại các mỏ đang khai thác (Trong đó: Tiền cấp quyền khai thác là: 35.331.989.738 đồng) : 60.426.876.092 đồng

Tổng nhu cầu vốn đầu tư 2018

: 1.165.091.378.905 đồng

**CÁC GIẢI PHÁP
THỰC HIỆN NĂM 2018**

1. Bảo đảm an toàn lao động cho người và tài sản trong tất cả các công đoạn sản xuất, nhất là đối với ngành khai thác và chế biến khoáng sản.

2. Hoàn thiện các thủ tục để được cấp phép khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp. Khẩn trương đưa các mỏ mới sang nhượng vào khai thác phát huy hiệu quả.

3. Rà soát lại các định mức kinh tế kỹ thuật, điều chỉnh kịp thời để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành tạo lợi thế cạnh tranh trong tiêu thụ sản phẩm.

4. Ban hành, bổ sung các quy định nội bộ, cụ thể hóa các quy định pháp luật, điều lệ hoạt động của Công ty, phổ biến, quán triệt cho cán bộ, công nhân lao động hiểu và nhận thức lại, ký kết thỏa ước (quy trình, quy phạm sản xuất, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo hộ lao động, công cụ hỗ trợ) đảm bảo việc làm và thu nhập.

5. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường, xử lý môi trường, phục hồi môi trường, giảm tối đa các tác động đến môi trường trên tất cả các lĩnh vực SXKD. Sử dụng hiệu quả hơn quỹ đất của Công ty tại các đơn vị đầu mối.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật trong SXKD, thực hiện tốt các nghĩa vụ xã hội trên cơ sở hiệu quả, có trách nhiệm với cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương trên địa bàn hoạt động, tạo sự đồng thuận để ổn định SXKD.

7. Kế thừa các thị trường truyền thống hiện có, đổi mới công tác tiếp thị trên cơ sở: Phối hợp linh hoạt với các đơn vị đầu mối, tập trung tiêu thụ các sản phẩm có lượng tồn kho nhiều: Gạch, đá Tân Mỹ, cao lanh nguyên khai, cao lanh lọc để duy trì sản xuất ổn định.

8. Tiếp tục phương án tái cấu trúc Công ty, giảm bớt thủ tục hành chính. Tổ chức, sắp xếp lại một số đơn vị đầu mối theo phương châm tinh gọn, hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ (Thành lập đơn vị độc lập khi đủ điều kiện).

9. Tăng cường công tác thu hồi nợ, giảm số nợ bị khách hàng chiếm dụng xuống dưới 70 tỷ đồng. Phấn đấu không có nợ xấu và không để mất nợ.

10. Chú trọng công tác quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 thực chất và hiệu quả.



1 TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

ĐVT: tỷ đồng

Năm	2014	2015	2016	2017
Tổng tài sản	780,1	839,0	973,7	1.430,5
Tài sản ngắn hạn	303,5	315,7	354,3	693,3
Tài sản dài hạn	476,7	523,3	619,4	737,3
Nợ phải trả	294,0	315,5	364,5	672,1
Nợ ngắn hạn	106,5	118,0	100,5	137,7
Nợ dài hạn	187,5	197,5	264,0	534,5
Vốn chủ sở hữu	486,1	523,5	609,2	758,4

TỔNG TÀI SẢN

Tính đến cuối năm 2017, tổng tài sản của Công ty đạt 1.430,5 tỷ đồng, tăng 47,1% so với năm 2016.

Cơ cấu tài sản có nhiều thay đổi trong năm. Tài sản ngắn hạn đã tăng lên 693,3 tỷ đồng, chiếm 48,5% tổng tài sản. Tài sản dài hạn chiếm 51,5% tổng tài sản với 737,3 tỷ đồng chủ yếu đến từ việc tăng mạnh bất động sản đầu tư, tài sản dở dang dài hạn và các tài sản dài hạn khác.

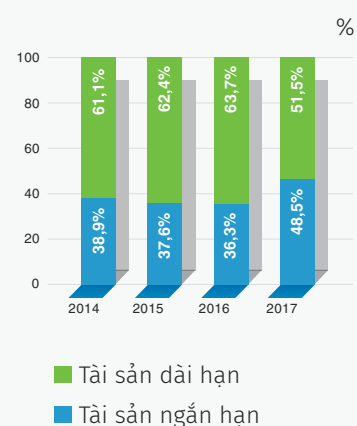
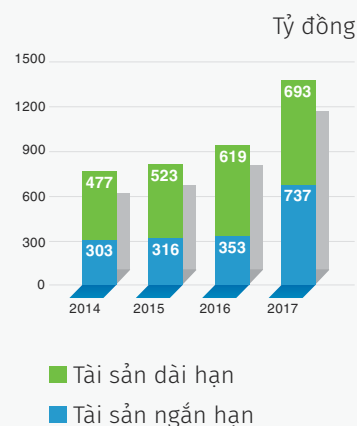
1.430,5

TỶ ĐỒNG

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2017

TĂNG 47,1% SO VỚI NĂM 2016

CƠ CẤU TÀI SẢN



TÀI SẢN NGẮN HẠN

Tính đến cuối năm 2017, tài sản ngắn hạn chiếm 48,5% tổng tài sản, tương ứng 693,3 tỷ đồng, tăng 96,2% so với năm 2016. Trong đó:

- » Tiền và tương đương tiền đạt 316,1 tỷ đồng, tăng gấp 3 lần so với 2016 và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản với 22,1%, và chiếm đến 45,6% tài sản ngắn hạn.
- » Khoản phải thu ngắn hạn của Công ty đang ở mức 237,1 tỷ đồng và chủ yếu nằm ở khoản phải thu khách hàng ngắn hạn.
- » Công tác thu hồi nợ xấu khá tốt, khi khoản mục trích lập dự phòng nợ xấu tính đến cuối năm 2017 cũng chỉ ở mức gần 6 tỷ đồng.

693,3

TỶ ĐỒNG

TÀI SẢN NGẮN HẠN NĂM 2017

TĂNG 96,2% SO VỚI NĂM 2016

- » Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng ổn định trong cơ cấu tài sản ngắn hạn với 9,2%, tập trung chủ yếu ở thành phẩm với gần 51,8 tỷ đồng, nguyên liệu, vật liệu với gần 10,7 tỷ đồng.

TÀI SẢN DÀI HẠN

Tính đến cuối năm 2017, tài sản dài hạn của Công ty tăng lên đến 737,3 tỷ đồng, tăng 19,0% so với năm 2016 và chiếm 51,5% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty tập trung tại khoản mục tài sản cố định với tổng giá trị đến cuối năm 2017 là 143,8 tỷ đồng. Tài sản cố định có sự gia tăng là do Công ty tập trung vào nhà xưởng, máy móc, thiết bị để mở rộng sản xuất.

NGUỒN VỐN

Vốn chủ sở hữu vẫn đang là nguồn tài trợ chính cho Công ty khi chiếm 53,0% tổng nguồn vốn với 758,4 tỷ đồng. Trong khi đó, Nợ phải trả chỉ chiếm 47% với 672,1 tỷ đồng.



**PHÂN TÍCH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

1 TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

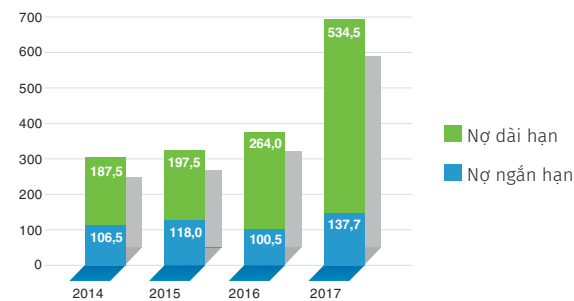
 (tiếp theo)

NỢ PHẢI TRẢ

Tính đến hết ngày 31/12/2017, tổng nợ phải trả của Công ty đang ở mức 672,1 tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở nợ dài hạn với 534,5 tỷ đồng, trong khi nợ ngắn hạn chỉ chiếm tỷ trọng 20,5%, ở mức 137,7 tỷ đồng.

Hiện tại, Công ty không sử dụng nguồn vốn vay. Điều này giúp Công ty không phải gánh chịu áp lực từ lãi vay và dễ dàng huy động vốn cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai khi cần thiết.

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ (TỶ ĐỒNG)

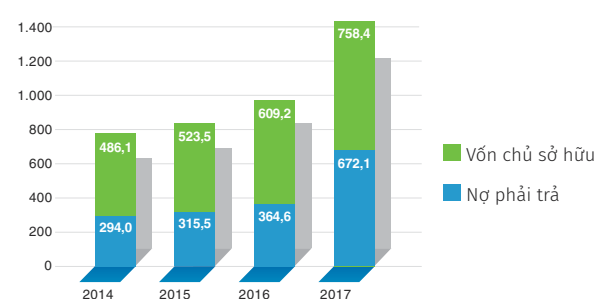


VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2017, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 758,4 tỷ đồng, tăng 24,5% so với năm trước và chiếm 53,0% tổng nguồn vốn.

Mức sinh lời tốt trong năm qua đã giúp khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt gần 245 tỷ đồng, tăng 98,5% so với năm 2016.

CƠ CẤU NGUỒN VỐN (TỶ ĐỒNG)



2 PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

ĐVT: tỷ đồng

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	157,4	219,9	410,7
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(58,4)	(187,2)	(117,6)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(54,0)	(128,7)	(56,2)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	45,1	(96,0)	236,9
Tiền và tương đương tiền cuối năm	175,3	79,3	316,1

Hoạt động kinh doanh chính tiếp tục là động lực tăng trưởng của Công ty khi mang về hơn 410 tỷ đồng, tăng 86,8 % so với năm trước. Trong năm, Công ty tiếp tục gia tăng hoạt động đầu tư tài sản cố định với tổng vốn giải ngân đạt 150,9 tỷ đồng. Song song đó, Công ty cũng đã thu hồi các khoản cho vay, công cụ nợ của đơn vị khác cùng với lãi vay đạt hơn 95,7 tỷ đồng, đã đồng tiền thuần chi ra cho hoạt động đầu tư trong năm 2017 dừng ở mức 117,6 tỷ đồng.

Giải ngân cho hoạt động tài chính trong năm ở mức 56,2 tỷ đồng, là khoản chi trả cổ tức cho Cổ đông.

3 PHÂN TÍCH CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	Lần	2,7	3,5	5,0
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,1	3,0	4,6
Hệ số thanh toán tiền mặt	Lần	1,5	0,8	2,3
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động				
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	48,2	38,5	34,9
Kỳ lưu kho bình quân	Ngày	38,8	34,1	31,0
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	17,3	14,8	15,2
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,9	0,9	0,9
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận gộp	%	35,8	40,4	39,7
Hệ số lợi nhuận về HĐKD/Doanh thu thuần	%	22,1	30,4	31,2
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	17,0	24,2	25,3
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	24,8	36,3	40,5
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROAA)	%	15,5	22,7	23,1
4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	37,6	37,4	47,0
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	60,3	59,8	88,6



KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ số gia tăng cho thấy tình hình tài chính vững mạnh và khả năng huy động vốn để đáp ứng cho các nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể, khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh lần lượt là 5,0 và 4,6 lần. Chỉ số thanh toán tiền mặt tăng vọt lên mức 2,3 lần. Các chỉ số thanh toán vượt xa mức 1 cho thấy Công ty hoàn toàn có thể đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn.

KỲ TRẢ TIỀN, THU TIỀN VÀ LƯU KHO BÌNH QUÂN

Năm 2017, Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm ngặt công tác quản lý công nợ và tuân thủ các quy định kế toán. Điều này đã giúp kỳ thu tiền bình quân trong năm 2017 được rút ngắn chỉ còn 34,9 ngày so với 38,5 ngày vào năm 2016.

Kỳ trả tiền bình quân của Công ty tăng nhẹ lên 15,2 ngày so với 14,8 ngày năm 2016. Trong công tác quản lý khoản phải trả, Công ty luôn coi trọng việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn đối với các nghĩa vụ phải trả đối

với đối tác. Điều này đã giúp gia tăng uy tín và niềm tin đối với thương hiệu công ty trong những năm qua, góp phần thuận lợi cho công tác quản trị dòng tiền của Công ty.

Năm 2017, kỳ lưu kho đang ở mức 31 ngày, giảm mạnh so với con số 34 ngày năm trước. Năm qua, Công ty đã nỗ lực gia tăng doanh số bán hàng, vòng quay nhanh hơn, giúp kỳ lưu kho giảm mạnh và là tín hiệu rất tích cực.

VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN

Với việc theo đuổi chiến lược tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, Công ty luôn nỗ lực để duy trì vòng quay tổng tài sản trong những năm gần đây, hiện đang ở quanh mức 0,9 lần.

TỶ SUẤT SINH LỜI

Với chiến lược phát triển thị trường tốt, công tác quản trị chi phí hiệu quả đã giúp lợi nhuận của Công ty tăng trưởng liên tục qua các năm.

Theo đó, năm 2017, tỷ suất lợi nhuận sau thuế đạt 25,3% và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 39,7%. Chỉ số sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAA) đạt 23,1% tăng mạnh so với năm 2016, chỉ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEA) cũng tăng mạnh so với năm trước lên mức cao 40,5%.





PHÁT HUY **NGUỒN LỰC** NÂNG CAO QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của ĐHĐCĐ	64
Hoạt động của HĐQT	65
Kết quả thực hiện kinh doanh năm 2017	66
Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2018	67
Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập	68
Hoạt động của Ban Kiểm soát	69
Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích	70
Cơ cấu Cổ đông và thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu	71

3

BIMICO coi nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi và là tài sản quý giá. Sự lớn mạnh của BIMICO trong suốt gần 25 năm vừa qua là thành quả từ công sức và tâm huyết của một tập thể lớn, dưới sự chỉ dẫn và lãnh đạo sáng suốt của nhiều lãnh đạo bản lĩnh, hết mình vì sự nghiệp chung của BIMICO.

HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2017

Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông để xin các ý kiến thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông cụ thể như sau:

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-ĐHĐCĐ	20/02/2017	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2	02/2017/NQ-ĐHĐCĐ	18/04/2017	Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2016 và kế hoạch 2017. Thông qua các tờ trình
3	03/2017/NQ-ĐHĐCĐ	19/09/2017	Thông qua chấp thuận cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Căn Nhà Mơ Ước nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến sở hữu trên 25% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của BIMICO, nhưng không vượt quá 80% mà không phải thực hiện việc chào mua công khai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị tại Công ty gồm 01 Chủ tịch Hội đồng Quản trị, 04 thành viên, trong đó 03 thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc.

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV HĐQT	Ngày không còn là TV HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1 Phan Tấn Đạt	Chủ tịch	11/04/2016		11/11	100%	
2 Hoàng Văn Lộc	Thành viên	16/04/2014		11/11	100%	
3 Ngô Thanh Tùng	Thành viên	07/04/2016	17/04/2017	04/07	57%	Từ nhiệm
4 Châu Anh Tuấn	Thành viên	08/08/2016		11/11	100%	
5 Trần Ngọc Đính	Thành viên	17/11/2016		11/11	100%	
6 Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên	18/04/2017		04/04	100%	



CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2017 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	18/01/2017	Thông qua nội dung hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản
2	02/2017/NQ-HĐQT	23/02/2017	Thông qua việc triển khai phương án phát hành CP để tăng vốn CSH
3	03/2017/NQ-HĐQT	09/03/2017	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận CP thưởng
4	04/2017/QĐ-HĐQT	18/03/2017	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng Cổ đông 2017
5	05/2017/NQ-HĐQT	05/04/2017	Thông qua kết quả phát hành CP
6	06/2017/QĐ-HĐQT	31/03/2017	Quyết định thành lập Ban tái cấu trúc
7	07/2017/NQ-HĐQT	05/04/2017	Thông qua danh mục tài liệu Đại hội đồng Cổ đông
8	7A/2017/NQ-HĐQT	18/04/2017	Bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị
9	08/2017/QĐ-HĐQT	24/04/2017	Miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc
10	09/2017/QĐ-HĐQT	24/04/2017	Thôi chức danh Phó Tổng giám đốc
11	10/2017/QĐ-HĐQT	24/04/2017	Thôi chức danh Phó Tổng giám đốc
12	11/2017/QĐ-HĐQT	19/05/2017	Bổ nhiệm Giám đốc Tài chính
13	12/2017/NQ-HĐQT	01/06/2017	Chuyển nhượng dự án Bình Đức Tiến
14	13/2017/NQ-HĐQT	12/06/2017	Quyết định đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2017
15	14/2017/NQ-HĐQT	03/08/2017	Thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt
16	15/2017/NQ-HĐQT	03/08/2017	Lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản
17	18/2017/NQ-HĐQT	23/10/2017	Thành lập mới Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Công nghiệp KSB

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị trong năm 2017 đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động, điều hành của Công ty. Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ hàng quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng quý. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

- » Chỉ đạo, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, quý; đôn đốc và giám sát ban điều hành Công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.
- » Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017. Thực hiện Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 thành công tốt đẹp.

- » Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh Công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

- » Các thành viên Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty. Dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết. Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

- » Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng Quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KINH DOANH NĂM 2017

Căn cứ vào các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, Hội đồng Quản trị đã triển khai, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 với những kết quả như sau:

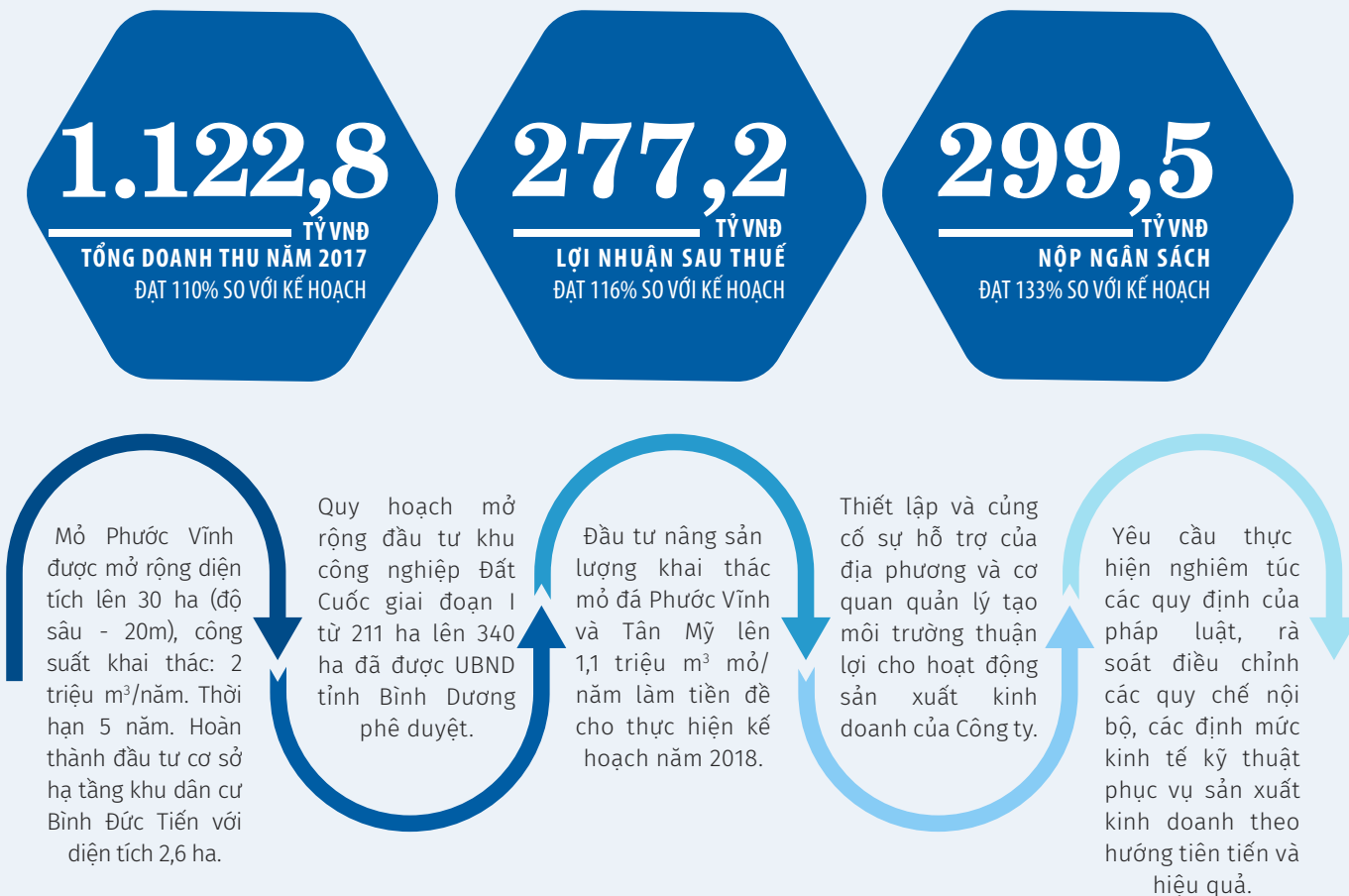
CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

Để đáp ứng năng lực điều hành, Hội đồng Quản trị căn cứ vào điều lệ, nguyện vọng cá nhân đã bầu nhiệm 1 thành viên Hội đồng Quản trị. Đến nay Hội đồng Quản trị (gồm 5 người) đã thực hiện nghiêm túc và có trách nhiệm theo quy định của điều lệ trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ đông năm 2017 và chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên 2018.

Trong năm 2018 với mục tiêu kế thừa, từng bước sắp xếp lại tổ chức sản xuất và nhân lực để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, Hội đồng Quản trị đã thành lập một số phòng ban, giải thể - sát nhập - cho thuê một số đơn vị không hiệu quả. Bổ nhiệm nhân sự lãnh đạo cấp Công ty tạo nguồn nhân lực để phục vụ cho nhu cầu tái cấu trúc theo chiến lược phát triển dài hạn.

KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO GIÁM SÁT THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Hội đồng Quản trị đã họp định kỳ hoặc lấy ý kiến các thành viên để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong chỉ đạo giám sát ban điều hành thực hiện kế hoạch năm 2017 với sự thống nhất cao bằng các nghị quyết và thể hiện qua các chỉ tiêu sau:



(Kết quả cụ thể về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 được phản ánh chi tiết trong Báo cáo tổng kết của Tổng Giám đốc.)

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Căn cứ vào các quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, Hội đồng Quản trị đã triển khai, giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 với những kết quả như sau:

01

Thống nhất Dự thảo của Tổng Giám đốc về kế hoạch năm 2018: Sản lượng, doanh thu, nộp thuế, lợi nhuận, phân phối lợi nhuận, đầu tư và các giải pháp tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra năm 2018.

02

Hội đồng Quản trị yêu cầu ban điều hành cần tập trung vào các nhiệm vụ trọng yếu sau:

- » Những tồn tại của năm 2017 cần phải được khắc phục theo tiến độ ngay từ Quý II năm 2018 (Mục tồn tại trong Báo cáo của Tổng Giám đốc).
- » Các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD năm 2018 đã đặt ra nhiều thách thức. Vì vậy tranh thủ thời tiết thuận lợi, phải thực hiện ngay các giải pháp được ĐHQĐĐ thông qua để hoàn thành cao nhất nhiệm vụ năm 2018.
- » Bằng mọi biện pháp tích cực, tiết kiệm các chi phí đầu vào, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các định mức tiêu hao để hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- » Đẩy mạnh công tác thị trường, tiêu thụ sản phẩm bằng nhiều giải pháp giảm tối đa lượng hàng tồn kho.
- » Khẩn trương hoàn thành các dự án đang đầu tư để phát huy hiệu quả. Đồng thời nhanh chóng hoàn tất thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án theo chiến lược đã được ĐHQĐĐ thông qua, bảo đảm tiến độ và chất lượng.
- » Xây dựng các phương án để sử dụng có hiệu quả quỹ đất tại các đơn vị phù hợp với từng địa bàn và quy hoạch của địa phương.
- » Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng trữ lượng khoáng sản được khai thác tại khu vực Đông Nam Bộ và các tỉnh khác. Phần đầu đưa Công ty trở thành thương hiệu hàng đầu trong cung cấp vật liệu xây dựng tại khu vực.
- » Giám sát các hoạt động đền bù, giải tỏa đất đai, phát triển hạ tầng KCN Đất Cước. Mở rộng kênh tiếp thị xúc tiến mời gọi đầu tư, thông qua văn phòng đại diện ở nước ngoài như: Đài Loan, Hồng Kông, Hàn Quốc,...
- » Quản trị tốt nguồn nhân lực, có kế hoạch đào tạo, huấn luyện cụ thể năm 2018 nhất là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý có trình độ và lao động có tay nghề đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu trên và vận hành các dự án mới.

03

Hội đồng Quản trị tiếp tục giám sát việc thực hiện các hoạt động SXKD năm 2018 của Ban Điều hành Công ty hàng tháng, Quý để có giải pháp phối hợp xử lý và điều chỉnh kịp thời.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên Hội đồng Quản trị Độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty.

Năm 2017, Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

Các thành viên Hội đồng Quản trị độc lập đã phối hợp với các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị trong việc định hướng và đề ra các chiến lược giúp Công ty phát triển ổn định, bền vững.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng Quản trị: Ban tái cấu trúc đánh giá lại cấu trúc hiện tại và thiết lập mô hình cấu trúc mới để phù hợp với mục tiêu và những chiến lược kinh doanh mới của Công ty trong thời gian tới.

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, đóng góp đối với quá trình hoạt động của BIMICO. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Ngày không còn là TV BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Mai Văn Lịch	Thành viên	16/04/2014		2/2	100%	
2	Phạm Thanh Tùng	Thành viên	16/04/2014	17/04/2017	0/2	0%	Từ nhiệm
3	Lê Công Sơn	Trưởng ban	18/04/2017		2/2	100%	
4	Nguyễn Thị Bích Liễu	Thành viên	18/04/2017		2/2	100%	

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và Cổ đông

- » Giám sát tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017
- » Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông
- » Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị
- » Giám sát việc giữ chứng từ sổ sách của Công ty
- » Giám sát việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các bộ phận quản lý khác

- » Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của Công ty, hoạt động công bố thông tin và công tác quản trị công ty.
- » Ban Kiểm soát có những hướng dẫn và hỗ trợ kịp thời về các quy định mới cũng như có những ý kiến đóng góp trong các quy trình liên quan đến quản trị công ty.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát: Không có

CÔNG TY ÁP DỤNG CHẾ ĐỘ THÙ LAO CHO THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG, TƯƠNG XỨNG VỚI NĂNG LỰC VÀ KẾT QUẢ CÔNG VIỆC CỦA TỪNG THÀNH VIÊN.



Trong năm 2017, tổng thù lao của Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát là: 5.544.171.555 đồng.

Lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2016 (VND)	Năm 2017 (VND)
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	4.438.330.702	8.786.415.863

Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ: Không có

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

VIỆC QUẢN TRỊ CÔNG TY LUÔN ĐƯỢC ĐẢM BẢO THEO ĐÚNG PHÁP LUẬT, ĐIỀU LỆ, CÁC QUY CHẾ NỘI BỘ VÀ CÁC TIÊU CHÍ NHẪM ĐẢM BẢO ĐƯỢC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MỘT CÁCH SUỐN SẼ NHẤT, THEO ĐUỐI CÁC MỤC TIÊU VÌ LỢI ÍCH CỦA CÔNG TY VÀ CỦA CÁC CỔ ĐÔNG, CŨNG NHƯ TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI CHO VIỆC GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY MỘT CÁCH HIỆU QUẢ, TỪ ĐÓ KHUYẾN KHÍCH CÔNG TY SỬ DỤNG CÁC NGUỒN LỰC MỘT CÁCH TỐT NHẤT.

Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với Cổ đông, nhà đầu tư.

Trong năm 2017, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động nhằm nâng cao chất lượng quản trị, một số hoạt động nổi bật như sau:

- » Ngày 31/03/2017: Ban tái cấu trúc được thành lập nhằm đánh giá lại cấu trúc hiện tại và thiết lập mô hình cấu trúc mới để phù hợp với mục tiêu và những chiến lược kinh doanh mới của Công ty trong tương lai.
- » Tổ chức các khóa đào tạo về quản trị Công ty cho nhà quản lý như:
 - » Lớp tập huấn thông tư 155
 - » Lớp kiểm toán nội bộ
 - » Chương trình huấn luyện về phát triển bền vững
 - » Hội thảo về chuẩn mực BCTC quốc tế.
 - » Lớp tập huấn nghị định 71 đối với Công ty đại chúng.

CỔ PHẦN

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
 Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
 Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

TỔNG SỐ CỔ PHẦN

- » Số lượng cổ phần đang lưu hành : 46.800.000 cổ phần
- » Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 46.800.000 cổ phần
- » Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

	Số lượng Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	2.049	44.793.310	95,71%
Cá nhân	2.021	32.660.814	69,66%
Tổ chức	28	12.192.496	26,05%
Cổ đông nước ngoài	49	2.006.690	4,29%
Cá nhân	31	111.052	0,24%
Tổ chức	18	1.895.638	4,05%
Tổng cộng	2.098	46.800.000	100%
Cá nhân	2.052	32.711.866	69,90%
Tổ chức	46	14.088.134	30,10%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tên cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương
 Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
 Mã chứng khoán : KSB
 Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
 Số lượng cổ phần phát hành : 23.400.000 cổ phần
 Mục đích phát hành : Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
 Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có
 Các chứng khoán khác : Không có



SẼ CHIA **TRÁCH NHIỆM** PHỤNG SỰ CỘNG ĐỒNG

BÁO CÁO **PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	74
Chính sách liên quan đến người lao động	76
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	80
Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN	83

4

Trong suốt chặng đường phát triển gần 25 năm qua, Công ty luôn có trách nhiệm bảo vệ, gìn giữ môi trường đồng thời thực hiện trách nhiệm với xã hội, ghi lại dấu ấn các hoạt động thiện nguyện của BIMICO điều đó không chỉ thể hiện nghĩa cử cao đẹp mà còn thể hiện trách nhiệm chung tay dựng xây một xã hội ngày càng nhân văn.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



NHỮNG NĂM QUA, NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN CHUYỂN DẦN TỪ PHÁT TRIỂN THEO BỀ RỘNG SANG PHÁT TRIỂN THEO CHIỀU SÂU. BÊN CẠNH ĐÓ, BIMICO CŨNG NHANH CHÓNG XÂY DỰNG CÁC CƠ CHẾ QUẢN LÝ, BẢO VỆ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN HỢP LÝ, TIẾT KIỆM, CÓ HIỆU QUẢ CAO, QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ĐÓNG VAI TRÒ QUAN TRỌNG VÀ ĐƯỢC ƯU TIÊN NHƯ TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KHÁC. CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ DUY TRÌ NGAY TỪ NHỮNG GIAI ĐOẠN ĐẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN NHẪM GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC ĐỒNG THỜI NÂNG CAO TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

NĂNG LƯỢNG TIÊU THỤ TẠI MỘT SỐ ĐƠN VỊ TIÊU BIỂU

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Tân Đông Hiệp	Kwh	7.537.210	8.753.424
Phước Vĩnh	Kwh	5.322.100	3.180.270
Tân Mỹ	Kwh	2.995.572	5.403.000
TỔNG	Kwh	14.054.882	17.336.694

» Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

TIÊU THỤ NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG

NGUỒN CUNG CẤP NƯỚC VÀ LƯỢNG NƯỚC SỬ DỤNG

Nguồn cung cấp nước: nước ngầm, nước mạch, nước máy,...

Lượng nước sử dụng tại một số đơn vị tiêu biểu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Tân Đông Hiệp	m ³	281.143,00	251.703,80
Phước Vĩnh	m ³	218.951,00	188.868,00
Tân Mỹ	m ³	192.960,00	171.644,00
TỔNG	m³	693.054,00	612.215,80



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

VÌ ĐẶC THÙ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CỦA BIMICO CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG HƠN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT KHÁC, NHẬN THỨC ĐƯỢC ĐIỀU NÀY CÔNG TY LUÔN LUÔN TUÂN THỦ LUẬT PHÁP VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG NGAY TỪ ĐẦU.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



NGAY TỪ NHỮNG NGÀY ĐẦU THÀNH LẬP, BIMICO ĐÃ XÁC ĐỊNH CON NGƯỜI LÀ YẾU TỐ CỐT LÕI CHO SỰ THÀNH CÔNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP. TRẢI QUA QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN, BAN LÃNH ĐẠO LUÔN DÀNH SỰ QUAN TÂM THÍCH ĐÁNG ĐỂ DUY TRÌ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CỦA MỖI CÁ NHÂN, TỪ ĐÓ TẠO DỰNG SỰ VỮNG CHẮC TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN VỮNG MẠNH CỦA CÔNG TY TRÊN CHẶNG ĐƯỜNG PHÍA TRƯỚC.

515

NGƯỜI
TỔNG SỐ CÁN BỘ NHÂN VIÊN
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2017

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ 2017

Nhân sự Công ty chiếm đa số là công nhân lao động do đặc thù của ngành nghề xây dựng và khai thác khoáng sản. Số lượng Cán bộ công nhân viên trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017 là 515 người, với cơ cấu lao động cụ thể như trong bảng:

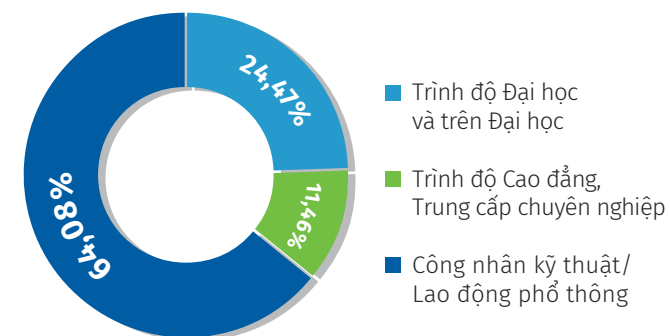
Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Theo trình độ lao động		100
Trình độ Đại học và trên Đại học	126	24,47
Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	59	11,46
Công nhân kỹ thuật/ Lao động phổ thông	330	64,08

MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

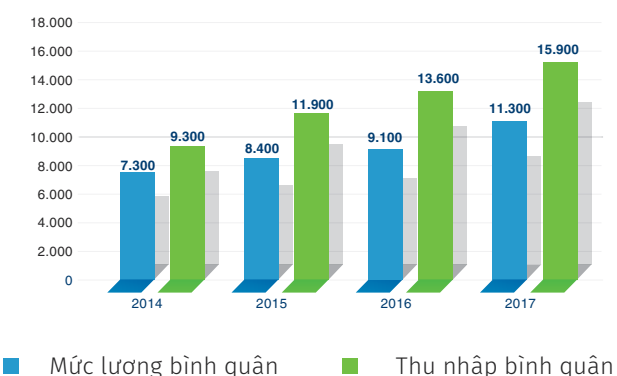
Số lượng Cán bộ công nhân viên trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017 là 515 người, với mức lương và thu nhập bình quân qua các năm cụ thể như trong bảng:

STT	Năm	Mức lương bình quân	Thu nhập bình quân
1	2014	7.300.000	9.300.000
2	2015	8.400.000	11.900.000
3	2016	9.100.000	13.600.000
4	2017	11.300.000	15.900.000

CƠ CẤU THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG



MỨC LƯƠNG VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN (Đvt: nghìn đồng)



ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC AN TOÀN VÀ ĐƯỢC CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nhu cầu được làm việc trong điều kiện an toàn và được chăm lo về sức khỏe của người lao động là chính đáng, BIMICO cam kết



Trang bị đầy đủ công cụ bảo hộ lao động và những biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc.



Tổ chức các chương trình hướng dẫn và đào tạo an toàn thường niên cho người lao động.



Xây dựng hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy tại tất cả các trụ sở, địa điểm hoạt động và đảm bảo 100% người lao động được huấn luyện về phòng cháy chữa cháy mỗi năm một lần.



Thực hiện các chương trình chăm sóc sức khỏe. Ngoài bảo hiểm sức khỏe theo pháp luật, người lao động còn được cung cấp những gói khám sức khỏe toàn diện, bảo hiểm tai nạn.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiếp theo)



TRONG NĂM 2017 BIMICO CÓ SỰ CẢI TIẾN LỚN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN, QUẢN LÝ NHÂN SỰ. ĐỒNG THỜI LUÔN THỰC HIỆN ĐÚNG VÀ TUÂN THỦ NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TẤT CẢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN

Thấu hiểu được năng lực của nhân viên đó là nền tảng vững chắc cho sức mạnh của BIMICO, hằng năm Công ty có các chính sách và chương trình đào tạo về kỹ năng lẫn trình độ cho CBCNV. Cụ thể các khóa đào tạo thể hiện trong bảng sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
Số lượng khóa đào tạo:	Khóa		
Đào tạo nội bộ		-	1
Đào tạo bên ngoài		4	3
Số lượt người tham gia đào tạo	Lượt người		
Nhân viên		449	690
Cấp quản lý		51	47
Số giờ đào tạo/Nhân viên	Giờ		
Chi phí dành cho hoạt động đào tạo	Tỷ đồng		
Chi phí kế hoạch		0.197	0.279
Chi phí thực tế		0.197	0.279

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

- » Các khóa đào tạo về chuyên môn và kỹ năng cũng như các buổi tham gia huấn luyện thực tế được Công ty tổ chức thường xuyên trong và ngoài nước.
- » Ngày 17/9/2017 BIMICO tổ chức tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy định kỳ năm 2017 cho toàn bộ Đội PCCC Cơ sở.
- » Ngày 17/9/2017 BIMICO đã tổ chức tập huấn định kỳ cho người lao động là thợ khoan đá, nổ mìn cho các xí nghiệp có sử dụng Vật liệu nổ (VLN) trong hoạt động sản xuất.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU QUAN TRỌNG MÀ CÔNG TY HƯỚNG ĐẾN. BẰNG HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC, SẢN XUẤT CÁC VẬT LIỆU CƠ BẢN VÀ QUAN TRỌNG CHO NGÀNH XÂY DỰNG TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG, CÔNG TY ĐÃ TẠO CÔNG ẮN VIỆC LÀM CHO HƠN 500 LAO ĐỘNG, ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG CHO NGUỒN THU CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HÀNG NĂM. BÊN CẠNH ĐÓ, BIMICO CŨNG NHANH CHÓNG XÂY DỰNG CÁC CƠ CHẾ QUẢN LÝ, BẢO VỆ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN HỢP LÝ, TIẾT KIỆM, CÓ HIỆU QUẢ CAO, ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG AN NINH VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

Năm 2017 vừa qua, Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương đã hỗ trợ các địa phương và người dân bị ảnh hưởng do hoạt động sản xuất của Công ty thông qua các hình thức: Ủng hộ bằng tiền, xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vật liệu,...

Công ty đã trao 208 suất học bổng cho học sinh vượt khó học giỏi trên địa bàn phường Tân Đông Hiệp, TX Dĩ An: Tổng giá trị học bổng là 250 triệu đồng.

Trước đó, Công ty đã trao 200 suất học bổng cho học sinh huyện Bắc Tân Uyên với giá trị 220 triệu đồng; trao 200 suất cho học sinh huyện Phú Giáo trị giá 240 triệu đồng. Ngoài ra, Công ty cũng vừa hỗ trợ Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh 175,5 triệu đồng trao học bổng cho học sinh nghèo của tỉnh.

Ngày 22/8/2017, BIMICO đã tham gia đồng tài trợ cho hội thảo khoa học chuyên đề "Hướng dẫn thực hành khảo sát sửa chữa, gia cường kết cấu bê tông, cốt nhân tạo và nước biển dùng trong bê tông - Tiêu chuẩn kinh nghiệm thực tiễn ở Nhật Bản và Việt Nam" được Đại Học Bách Khoa, Đại Học Kiến Trúc, hội bê tông Việt Nam, Hội doanh nghiệp cọc Việt Nam, Viện Vật Liệu xây dựng, Công ty Phan Vũ tổ chức từ ngày 22/8 đến ngày 23/8 tại Đại Học Kiến Trúc Thành phố Hồ Chí Minh.



TRAO HỌC BỔNG

TRAO > 600 SUẤT HỌC BỔNG
cho học sinh vượt khó học giỏi trên địa bàn với tổng giá trị học bổng > **885** triệu đồng

THỰC HIỆN NGHĨA VỤ XÃ HỘI

10,5 TỶ ĐỒNG
Tổng chi phí thực hiện nghĩa vụ xã hội năm 2017

Tổng chi phí thực hiện nghĩa vụ xã hội năm 2017 là: 10,5 tỷ đồng, bao gồm các chương trình:

- » Hỗ trợ địa phương theo cam kết;
- » Làm đường giao thông nông thôn;
- » Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa;
- » Hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn vượt khó;
- » Khâm sức khỏe và phát thuốc miễn phí cho các hộ dân tại Tân Đông Hiệp, Phước Vĩnh;
- » Tặng quà tết và trung thu cho các gia đình gần địa bàn các mỏ.
- » Hiện nay, đang phụng dưỡng 04 mẹ Việt Nam Anh hùng.
- » Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ vật liệu xây dựng cho nhiều địa phương, tổ chức, cá nhân để làm đường giao thông và xây nhà.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG (tiếp theo)



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (UBCKN)

LÀ MỘT TRONG NHỮNG QUỐC GIA CHỊU ẢNH HƯỞNG LỚN TỪ THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU (BĐKH), VIỆT NAM ĐÃ XÁC ĐỊNH TĂNG TRƯỞNG XANH LÀ MỘT CHIẾN LƯỢC ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. TÀI CHÍNH XANH LUÔN ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ TRỌNG TÂM TRONG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TOÀN CẦU TRONG BỐI CẢNH BĐKH ĐANG DIỄN RA TRÊN TOÀN CẦU.

Tại Việt Nam, theo Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 của Việt Nam mà Chính phủ phê duyệt năm 2012 đưa ra 3 nhiệm vụ chính gồm: giảm cường độ phát thải khí nhà kính và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; xanh hóa sản xuất, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh và xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Để thực hiện các nhiệm vụ này, Chính phủ cũng đã phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020, trong đó có việc hình thành khung chính sách tài chính tăng trưởng xanh, nhằm huy động vốn cho tăng trưởng xanh. Dự án của Công ty luôn hướng đến việc đạt tiêu chuẩn thân thiện với môi trường.





5

Ngoài những chỉ số tăng trưởng, BIMICO là một trong những mã chứng khoán luôn được nhà đầu tư chào đón bằng giá trị mang lại rất tốt trong những năm qua. Tăng trưởng bền vững là thước đo của BIMICO đối với niềm tin của Cổ đông và nhà đầu tư.

TÀI CHÍNH **VỮNG MẠNH** HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 86

Báo cáo kiểm toán độc lập 88

Bảng cân đối kế toán hợp nhất 89

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 91

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 92

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 93

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và Công ty con (Công ty mẹ và Công ty con được gọi chung là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phan Tấn Đạt	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lộc	Thành viên
Ông Trần Ngọc Đỉnh	Thành viên
Ông Châu Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2017)
Ông Ngô Thanh Tùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2017)

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Phan Tấn Đạt	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Phòng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Văn Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)
Ông Võ Đình Long	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2017)
Ông Lương Võ Hùng	Giám đốc Tài chính (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



PHAN TẤN ĐẠT

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ” và Công ty con (Công ty mẹ và Công ty con được gọi chung là “Công ty” được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018, từ trang 93 đến trang 116, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**VŨ THÁI HÒA**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2018-001-1

Chi nhánh Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

NGUYỄN TRỌNG THẾ

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2649-2018-001- 1

VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		693.264.287.788	354.297.890.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	316.146.668.225	79.261.665.888
1. Tiền	111		316.146.668.225	44.261.665.888
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		66.982.500.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	66.982.500.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		237.097.315.602	217.580.868.242
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	112.041.318.632	97.135.687.194
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		13.669.475.350	5.020.899.803
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	30.000.000.000	110.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	87.369.435.667	7.025.412.405
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(5.982.914.047)	(1.601.131.160)
IV. Hàng tồn kho	140		63.562.667.732	48.533.388.688
1. Hàng tồn kho	141	10	63.562.667.732	48.533.388.688
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.475.136.229	8.921.967.796
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	8.884.311.120	8.921.967.796
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	590.825.109	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		737.266.061.900	619.408.176.616
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.817.602.561	10.592.835.633
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.460.000.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	18.357.602.561	10.592.835.633
II. Tài sản cố định	220		143.758.199.477	128.818.410.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	142.719.388.397	127.551.091.228
- Nguyên giá	222		342.702.233.503	325.149.262.562
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(199.982.845.106)	(197.598.171.334)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.038.811.080	1.267.319.544
- Nguyên giá	228		2.569.601.600	2.569.601.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.530.790.520)	(1.302.282.056)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	196.725.983.369	203.572.660.877
- Nguyên giá	231		239.691.630.107	239.691.630.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(42.965.646.738)	(36.118.969.230)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		170.198.087.963	153.693.877.763
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	170.198.087.963	153.693.877.763
V. Tài sản dài hạn khác	260		206.766.188.530	122.730.391.571
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	200.738.842.612	116.665.469.393
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	6.027.345.918	6.064.922.178
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.430.530.349.688	973.706.067.230

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

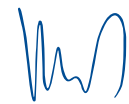
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		672.122.960.848	364.476.207.359
I. Nợ ngắn hạn	310		137.651.812.722	100.470.725.682
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	28.094.135.847	21.628.613.823
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.044.201.250	3.399.882.995
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	32.223.545.741	25.029.984.351
4. Phải trả người lao động	314		3.130.200.236	4.431.396.125
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		221.728.366	1.938.154.419
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	14.504.890.445	8.066.595.232
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		15.772.332.224	5.390.195.439
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		40.660.778.613	30.585.903.298
II. Nợ dài hạn	330		534.471.148.126	264.005.481.677
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	19	504.310.957.598	233.180.870.788
2. Phải trả dài hạn khác	337		23.460.938	500.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	30.136.729.590	30.324.610.889
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		758.407.388.840	609.229.859.871
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	758.407.388.840	609.229.859.871
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		468.000.000.000	234.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		468.000.000.000	234.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.658.500	1.658.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.617.301.943	251.896.444.170
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		244.788.428.397	123.331.757.201
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		82.627.882.201	22.884.813.315
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		162.160.546.196	100.446.943.886
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.430.530.349.688	973.706.067.230



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Người lập biểu



LƯƠNG VÕ HÙNG
Kế toán trưởng




PHAN TẤN ĐẠT
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.098.763.174.872	849.803.038.269
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.700.751.100	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	1.094.062.423.772	849.803.038.269
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	659.888.003.375	506.680.214.683
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		434.174.420.397	343.122.823.586
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	15.190.692.443	7.223.121.963
7. Chi phí tài chính	22		-	227.398.075
8. Chi phí bán hàng	25	28	60.474.015.399	60.892.951.395
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	47.200.098.763	34.459.489.334
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		341.690.998.678	254.766.106.745
11. Thu nhập khác	31		13.528.111.076	9.032.204.888
12. Chi phí khác	32		7.980.691.599	5.523.379.848
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.547.419.477	3.508.825.040
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		347.238.418.155	258.274.931.785
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	69.992.264.165	56.879.884.553
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	37.576.260	(4.367.396.654)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		277.208.577.730	205.762.443.886
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	5.035	3.678



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Người lập biểu



LƯƠNG VÕ HÙNG
Kế toán trưởng




PHAN TẤN ĐẠT
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	347.238.418.155	258.274.931.785
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.183.608.240	23.055.730.749
Các khoản dự phòng	03	4.193.901.588	(1.762.819.356)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.819.055.984)	(7.784.018.802)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	357.796.871.999	271.783.824.376
Tăng các khoản phải thu	09	(43.385.047.195)	(18.148.170.920)
Tăng hàng tồn kho	10	(15.029.279.044)	(2.313.028.052)
Tăng các khoản phải trả	11	304.396.318.354	66.713.404.278
Tăng chi phí trả trước	12	(54.685.412.180)	(30.309.918.197)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(76.628.823.046)	(52.542.340.396)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(61.796.173.446)	(15.328.943.105)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	410.668.455.442	219.854.827.984
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(150.994.819.847)	(85.695.119.174)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	4.617.310.817	1.287.654.545
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(66.982.500.000)	(175.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	80.000.000.000	65.000.000.000
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	15.736.555.925	7.204.752.508
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(117.623.453.105)	(187.202.712.121)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức đã trả cho Cổ đông	36	(56.160.000.000)	(128.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(56.160.000.000)	(128.700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	236.885.002.337	(96.047.884.137)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	79.261.665.888	175.309.550.025
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	316.146.668.225	79.261.665.888

NGUYỄN HOÀNG TÂM
Người lập biểu

LƯƠNG VÕ HÙNG
Kế toán trưởng



PHAN TẤN ĐẠT
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4603000226 ngày 27 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp. Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương, một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và đăng ký thuế số 3700148825 (điều chỉnh lần thứ 13) ngày 10 tháng 7 năm 2017, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 468.000.000.000 đồng từ quỹ đầu tư và phát triển.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 515 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 514 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình giao thông, công trình dân dụng, cụm công nghiệp, điện cơ mỏ; kinh doanh nhà ở; sản xuất, gia công và kinh doanh các loại thép hình, cấu kiện bê tông đúc sẵn; kinh doanh xăng dầu; đầu tư kinh doanh khu du lịch; nuôi trồng, sản xuất các mặt hàng nông sản thực phẩm; khảo sát, đo đạc địa hình, thăm dò địa chất và thi công giếng khoan, khai thác nước ngầm.

Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng (không sản xuất gạch nung, ngói nung tại trụ sở chính); sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cụm công nghiệp, cung cấp dịch vụ và kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp KSB	Việt Nam	100%	100%	Phát Triển Khu Công Nghiệp

Công ty TNHH MTV Phát Triển Công nghiệp KSB được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3702613027 ngày 28 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty mẹ đã góp đủ vốn vào Công ty con này bằng tiền, tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Do các nghiệp vụ thành lập và đầu tư vào Công ty con phát sinh trong năm 2017 nên đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất năm nay có thể không so sánh được với số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty con và Công ty mẹ được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu cho vay.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi tiết thời gian khấu hao như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất thể hiện các chi phí phát sinh để có quyền sử dụng khu đất 41.632 m² tại Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 38 năm. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động thể hiện phần doanh thu cho thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cước tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương và doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng tại Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Thanh Bình. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cước tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương và cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị của Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới Thanh Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng bắt đầu từ khi đưa bất động sản vào khai thác và sử dụng đến hết thời gian đầu tư của dự án vào năm 2056 đối với quyền sử dụng đất, cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cước và đến hết năm 2045 đối với cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị của Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới Thanh Bình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất để khai thác các mỏ đất, đá và chi phí cải tạo các mỏ đá được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng từ một năm đến ba năm. Riêng các chi phí trả trước dài hạn liên quan đến mỏ đá Tân Mỹ, mỏ sét Bó Lá, mỏ cao lanh Minh Long được phân bổ theo sản lượng khai thác hàng năm tính trên tổng trữ lượng của mỏ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn cổ phần khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn cổ phần.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác nếu có sẽ được trích lập theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.490.823.096	756.963.046
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	314.655.845.129	43.504.702.842
Các khoản tương đương tiền	-	35.000.000.000
	316.146.668.225	79.261.665.888

5. ĐÀU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Cộng Hòa. Khoản tiền gửi này được hưởng lãi suất cố định 6%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Lê Phan	11.321.386.179	12.073.848.160
Công ty TNHH Ngọc Quý	6.981.691.735	10.406.807.812
Các khoản phải thu khách hàng khác	93.738.240.718	74.655.031.222
	112.041.318.632	97.135.687.194

7. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Lộc Kim	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát	-	45.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Nam Trung	-	35.000.000.000
	30.000.000.000	110.000.000.000

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Phải thu lãi tiền gửi	1.039.961.667	105.036.122
Phải thu người lao động	1.426.364.000	900.007.000
Ông Phan Văn Quang	-	6.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Loan	23.903.110.000	-
Công ty CP Bất Động sản Minh Trí	58.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	3.000.000.000	20.369.283
	87.369.435.667	7.025.412.405
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	18.357.602.561	10.592.835.633
	18.357.602.561	10.592.835.633
	105.727.038.228	17.618.248.038

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	17.459.036.416	(5.982.914.047)	11.476.122.369	2.046.344.039	(1.601.131.160)	445.212.879

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.687.279.841	12.141.882.863
Công cụ, dụng cụ	634.002.004	264.406.533
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	315.251.723	222.852.368
Thành phẩm	51.853.314.803	35.830.621.535
Hàng hóa	72.819.361	73.625.389
	63.562.667.732	48.533.388.688

Trong năm, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vì không có dấu hiệu suy giảm giá trị.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	Số đầu đầu
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.722.220.653	4.847.435.814
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.162.090.467	4.074.531.982
	8.884.311.120	8.921.967.796
b. Dài hạn		
- Chi phí đền bù	69.999.729.885	51.982.970.556
- Chi phí cấp quyền khai thác	34.490.960.977	30.817.794.978
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.411.839.505	2.952.123.675
- Chi phí thuê đất dài hạn	67.887.570.014	15.219.449.500
- Chi phí trả trước dài hạn khác	25.948.742.231	15.693.130.684
	200.738.842.612	116.665.469.393

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	6.052.382.164	76.227.401.835	73.388.828.698	8.890.955.301
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.211.991.639	69.992.264.165	76.628.823.046	6.575.432.758
Thuế thu nhập cá nhân	319.387.086	6.241.227.718	7.143.591.555	(582.976.751)
Thuế tài nguyên	4.589.999.083	61.456.126.745	52.491.428.262	13.554.697.566
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	-	58.378.239.519	58.378.239.519	-
Thuế môn bài	-	18.000.000	18.000.000	-
Thuế tài nguyên	-	265.864.548	273.712.906	(7.848.358)
Phí bảo vệ môi trường	856.224.379	12.871.347.323	10.525.111.586	3.202.460.116
Phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	-	20.292.148.022	20.292.148.022	-
Các khoản phải nộp khác	-	406.871.141	406.871.141	-
	25.029.984.351	306.149.491.016	299.546.754.735	31.632.720.632

Trong đó:

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu		
Thuế thu nhập cá nhân	582.976.751	-
Thuế tài nguyên	7.848.358	-
	590.825.109	-
Các khoản phải trả		
Thuế giá trị gia tăng	8.890.955.301	6.052.382.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.575.432.758	13.211.991.639
Thuế thu nhập cá nhân	-	319.387.086
Thuế tài nguyên	13.554.697.566	4.589.999.083
Phí bảo vệ môi trường	3.202.460.116	856.224.379
	32.223.545.741	25.029.984.351

13. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu năm	126.608.850.046	148.473.643.875	47.158.612.746	2.908.155.895	325.149.262.562
Tăng trong năm	152.503.809	30.299.597.718	2.814.863.636	868.272.727	34.135.237.890
Thanh lý	(92.045.693)	-	(16.456.047.256)	(34.174.000)	(16.582.266.949)
Số dư cuối năm	126.669.308.162	178.773.241.593	33.517.429.126	3.742.254.622	342.702.233.503
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	54.118.504.547	101.647.493.734	39.980.442.743	1.851.730.310	197.598.171.334
Khấu hao trong năm	5.140.836.549	10.925.477.910	1.766.992.337	275.115.472	18.108.422.268
Thanh lý	(92.045.693)	-	(15.597.528.803)	(34.174.000)	(15.723.748.496)
Số dư cuối năm	59.167.295.403	112.572.971.644	26.149.906.277	2.092.671.782	199.982.845.106
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	72.490.345.499	46.826.150.141	7.178.170.003	1.056.425.585	127.551.091.228
Tại ngày cuối năm	67.502.012.759	66.200.269.949	7.367.522.849	1.649.582.840	142.719.388.397

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 112.757.846.062 đồng (tài ngày 31 tháng 12 năm 2016: 115.959.832.368 đồng).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.807.721.600	761.880.000	2.569.601.600
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm và cuối năm	848.232.696	454.049.360	1.302.282.056
Khấu hao trong năm	42.308.460	186.200.004	228.508.464
Số dư cuối năm	890.541.156	640.249.364	1.530.790.520
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	959.488.904	307.830.640	1.267.319.544
Tại ngày cuối năm	917.180.444	121.630.636	1.038.811.080

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Máy móc thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư cuối năm và cuối năm	53.947.575.587	172.344.176.035	13.399.878.485	239.691.630.107
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	10.889.704.188	22.615.934.100	2.613.330.942	36.118.969.230
Khấu hao trong năm	2.751.240.432	3.742.166.168	353.270.908	6.846.677.508
Số dư cuối năm	13.640.944.620	26.358.100.268	2.966.601.850	42.965.646.738
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	43.057.871.399	149.728.241.935	10.786.547.543	203.572.660.877
Tại ngày cuối năm	40.306.630.967	145.986.075.767	10.433.276.635	196.725.983.369

Bất động sản đầu tư thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Đất Cước tại Huyện Bắc Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương; cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị của Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Thanh Bình.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vì Công ty không có cơ sở định giá cũng như không có tài sản nào cùng loại để xác định giá trị hợp lý của những bất động sản đầu tư này.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang	170.198.087.963	170.198.087.963	153.693.877.763	153.693.877.763

Trong đó

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công trình dự án Khu công nghiệp Đất Cước	156.375.373.258	42.402.920.000
- Công trình dự án biệt thự Bình Đức Tiến	-	71.005.067.394
- Công trình dự án mỏ đá Phước Vĩnh	8.420.002.800	8.420.002.800
- Công trình dự án mỏ sét Phước Hòa	-	29.350.304.363
- Khác	5.402.711.905	2.515.583.206
	170.198.087.963	153.693.877.763

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	VND	
	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	
Tại ngày đầu năm trước		5.360.536.747
Chuyển sang lợi nhuận trong năm		704.385.431
Tại ngày cuối năm trước		6.064.922.178
Chuyển sang lợi nhuận trong năm		(37.576.260)
Tại ngày cuối năm		6.027.345.918

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho hoạt động kinh doanh khoáng sản	19.044.011.122	13.928.703.900
Phải trả cho hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	9.050.124.725	7.699.909.923
	28.094.135.847	21.628.613.823

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	14.504.890.445	8.066.595.232
- Doanh thu nhận trước	14.504.890.445	8.066.595.232
b. Dài hạn	504.310.957.598	233.180.870.788
- Doanh thu nhận trước	504.310.957.598	233.180.870.788
	518.815.848.043	241.247.466.020

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện các khoản tiền thuê và phí quản lý nhận trước từ việc cho thuê đất tại Khu công nghiệp Đất Cước với thời hạn thuê từ 41 năm đến 48 năm.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	VND		
	Dự phòng chi phí cải tạo môi trường	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	Tổng cộng
Tại ngày đầu năm	22.954.975.889	7.369.635.000	30.324.610.889
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	389.303.701	538.258.683	927.562.384
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	(1.115.443.683)	(1.115.443.683)
Tại ngày cuối năm	23.344.279.590	6.792.450.000	30.136.729.590

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Được phép phát hành:		
Số lượng cổ phần	46.800.000	23.400.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị	468.000.000.000	234.000.000.000
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần	46.800.000	23.400.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị	468.000.000.000	234.000.000.000

Ngày 20 tháng 02 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ về phương án phát hành cổ phần để tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo phương thức thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng cho các Cổ đông hiện hữu. Theo đó, ngày 05 tháng 4 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐQT về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, cụ thể là quỹ đầu tư phát triển. Số lượng cổ phần đã phát hành là 23.400.000 cổ phần với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 234.000.000.000 đồng, tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1; mỗi Cổ đông sở hữu 01 cổ phần được nhận thêm 01 cổ phần. Theo Quyết định số 133/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thì việc thay đổi số lượng cổ phiếu niêm yết của Công ty có hiệu lực từ ngày 21 tháng 4 năm 2017 và số cổ phiếu phát hành bổ sung này đã chính thức giao dịch từ ngày 26 tháng 4 năm 2017.

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp Cổ đông của Công ty.

Danh sách các Cổ đông chính của Công ty nắm giữ 5% cổ phần trở lên và các Cổ đông khác như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Cổ phiếu	%	VND	Cổ phiếu	%	VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Căn Nhà Mơ Ước	10.453.600	22,34	104.536.000.000	5.226.800	22,34	52.268.000.000
Cổ đông khác	36.346.400	77,66	363.464.000.000	18.173.200	77,66	181.732.000.000
	46.800.000	100	468.000.000.000	23.400.000	100	234.000.000.000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	234.000.000.000	1.658.500	217.488.694.170	71.984.813.315	523.475.165.985
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	205.762.443.886	205.762.443.886
Phân phối các quỹ	-	-	34.407.750.000	(60.815.500.000)	(26.407.750.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(93.600.000.000)	(93.600.000.000)
Số dư đầu năm nay	234.000.000.000	1.658.500	251.896.444.170	123.331.757.201	609.229.859.871
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	277.208.577.730	277.208.577.730
Phân phối các quỹ	-	-	27.720.857.773	(99.591.906.534)	(71.871.048.761)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(56.160.000.000)	(56.160.000.000)
Phát hành cổ phiếu	234.000.000.000	-	(234.000.000.000)	-	-
Số dư cuối năm	468.000.000.000	1.658.500	45.617.301.943	244.788.428.397	758.407.388.840

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông Thường niên năm 2017 số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017, các Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc trả thêm cổ tức năm 2016 với tỷ lệ 5% mệnh giá cổ phần. Trong năm, Công ty đã chi cổ tức bằng tiền mặt là 56.160.000.000 đồng, trong đó, cổ tức của năm 2016 đã được chia thêm là 23.400.000.000 đồng và tạm ứng cổ tức năm 2017 với số tiền là 32.760.000.000 đồng (tương ứng với tỉ lệ là 7% mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty số 24/2017/NQ-HĐQT ngày 03 tháng 8 năm 2017).

Trong năm 2017, Công ty đã trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2016 là 11.203.875.000 đồng, quỹ thưởng Ban điều hành Công ty là 6.100.000.000 đồng theo Nghị quyết 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017, từ lợi nhuận còn lại của năm 2016. Đồng thời, Ban Giám đốc Công ty đã tạm trích lập quỹ đầu tư phát triển là 27.720.857.773 đồng, quỹ khen thưởng, phúc lợi là 41.581.286.660 đồng, quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty (20% vượt kế hoạch) là 7.441.715.546 đồng và quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 5.544.171.555 đồng từ lợi nhuận của năm 2017.

Số liệu cuối cùng về chia cổ tức và trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017 sẽ được các Cổ đông của Công ty phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.207	2.364
- Euro (EUR)	7	7

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty lựa chọn lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt trên hai lĩnh vực kinh doanh khoáng sản và lĩnh vực cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác. Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp. Các thông tin bộ phận về các lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty như sau:

	VND		
Số cuối năm	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	Tổng cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	410.075.808.113	440.599.389.981	850.675.198.094
Tài sản không phân bổ	-	-	579.855.151.594
Tổng tài sản			1.430.530.349.688
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	23.344.279.590	518.815.848.043	542.160.127.633
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	129.962.833.215
Tổng nợ phải trả			672.122.960.848

	VND		
Số đầu năm	Hoạt động kinh doanh khoáng sản	Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	Tổng cộng
Tài sản			
Tài sản bộ phận	473.039.992.808	290.366.391.853	763.406.384.661
Tài sản không phân bổ	-	-	210.299.682.569
Tổng tài sản			973.706.067.230
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	22.954.975.889	241.247.466.020	264.202.441.909
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	100.273.765.450
Tổng nợ phải trả			364.476.207.359

Kết quả kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Hoạt động kinh doanh khoáng sản		
Doanh thu	906.332.812.870	809.722.483.254
Giá vốn	(550.434.665.138)	(480.790.913.349)
Lợi nhuận gộp	355.898.147.732	328.931.569.905
Hoạt động kinh doanh bất động sản		
Doanh thu	120.000.000.000	-
Giá vốn	(80.496.597.668)	-
Lợi nhuận gộp	39.503.402.332	-
Hoạt động cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác		
Doanh thu	67.729.610.902	40.080.555.015
Giá vốn	(28.956.740.569)	(25.889.301.334)
Lợi nhuận gộp	38.772.870.333	14.191.253.681

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động của Công ty chỉ nằm trên lãnh thổ Việt Nam nên không có khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.031.033.563.970	809.722.483.254
Doanh thu cho thuê khu công nghiệp và dịch vụ khác	67.729.610.902	40.080.555.015
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Giảm giá hàng bán	(4.700.751.100)	-
	1.094.062.423.772	849.803.038.269

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	630.931.262.806	480.790.913.349
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.956.740.569	25.889.301.334
	659.888.003.375	506.680.214.683

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.225.441.182	74.450.117.938
Chi phí nhân công	83.723.021.800	73.496.216.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.183.608.240	22.410.728.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.430.297.676	325.058.695.309
Chi phí khác	219.998.925.813	106.616.897.012
	767.561.294.711	602.032.655.412

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

		VND	
	Năm nay	Năm trước	
Lãi tiền gửi	15.110.795.920	7.223.121.963	
Lãi chênh lệch tỷ giá	79.896.523	-	
	15.190.692.443	7.223.121.963	

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

		VND	
	Năm Nay	Năm Trước	
Các khoản chi phí bán hàng			
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.932.979.220	1.375.748.818	
- Chi phí lương nhân viên quản lý	9.564.619.973	9.510.386.687	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.063.007.653	3.266.572.977	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.888.574.508	44.176.001.984	
- Các khoản chi phí khác	3.024.834.045	2.564.240.929	
	60.474.015.399	60.892.951.395	
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp			
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.335.104.754	1.437.853.973	
- Chi phí lương nhân viên quản lý	24.192.030.602	17.525.905.196	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.429.984.344	1.887.905.450	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.906.849.372	10.297.019.608	
- Các khoản chi phí khác	9.336.129.691	3.310.805.107	
	47.200.098.763	34.459.489.334	

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

		VND	
	Năm nay	Năm trước	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	347.238.418.155	258.274.931.785	
Trừ:			
- Chi phí trích trước năm trước, đã thực hiện năm nay	(1.337.943.683)	(864.052.898)	
Cộng:			
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.858.908.019	8.673.487.762	
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong năm nay	-	18.315.056.116	
Thu nhập tính thuế	348.759.382.491	284.399.422.765	
Thuế suất	20%	20%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường	69.751.876.498	56.879.884.553	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung năm 2016	240.387.667	-	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	69.992.264.165	56.879.884.553	

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (2016: 20%) tính trên thu nhập tính thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

		VND	
	Năm Nay	Năm Trước	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	277.208.577.730	205.762.443.886	
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(41.581.286.660)	(33.611.625.000)	
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	228.394.211.647	172.150.818.886	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	46.800.000	46.800.000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	5.035	3.678	

(*) Do sự kiện phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và được sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông về tỷ lệ chính thức cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2016, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	7.836	3.678

31. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TĂNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP (“Nghị định 203”) quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nghị định 203 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2016. Căn cứ theo Nghị định 203, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng địa chất còn lại kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tại ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ có ban hành Công văn số 723/TTg-KTN đồng ý chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phần trữ lượng đã khai thác trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và giao Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, việc xác định và ghi nhận giá trị quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tùy thuộc vào quyết định và hướng dẫn cụ thể của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

32. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên cho thuê

		VND	
	Năm nay	Năm trước	
Doanh thu cho thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	15.398.692.237	10.748.697.047	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

		VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm	
Trong vòng một năm	20.147.120.728	11.626.205.472	
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	72.020.482.913	48.563.865.769	
Sau năm năm	589.318.182.791	312.075.931.111	
	681.485.786.433	372.266.002.352	

32. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Công ty là bên cho thuê (tiếp theo)

Các khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện các khoản tiền thuê phải thu từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Trung tâm Hội nghị Tiệc cưới Thanh Bình với thời hạn thuê trung bình lần lượt là 47 năm và 05 năm.

Công ty là bên đi thuê

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	5.941.904.734	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sau năm năm	27.151.903.938	33.093.808.672
	27.151.903.938	33.093.808.672

Khoản cam kết đi thuê hoạt động thể hiện khoản tiền thuê phải trả Nhà nước cho việc thuê đất tại Khu Công nghiệp Đất Cước với hạn thuê trung bình 47 năm. Khoản cam kết này được ước tính dựa trên thời gian thuê còn lại phải trả tiền thuê đất (từ ngày 28 tháng 12 năm 2022 đến ngày 17 tháng 8 năm 2056, theo quyết định số 410/QĐ-CT của Cục thuế tỉnh Bình Dương ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2017), và đơn giá thuê đất hàng năm theo quyết định số 115/QĐ-STC của UBND tỉnh Bình Dương ban hành ngày 6 tháng 5 năm 2014.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các Cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	316.146.668.225	79.261.665.888
Đầu tư ngắn hạn	66.982.500.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	211.785.442.813	113.152.804.072
Phải thu cho vay ngắn hạn	30.000.000.000	110.000.000.000
	624.914.611.038	302.414.469.960
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	58.149.630.150	34.947.520.049
Chi phí phải trả	221.728.366	1.938.154.419
	58.371.358.516	36.885.674.468

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường giao dịch các công cụ tài chính.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các Cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	316.146.668.225	-	316.146.668.225
Đầu tư ngắn hạn	66.982.500.000	-	66.982.500.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	193.427.840.252	18.357.602.561	211.785.442.813
Phải thu cho vay ngắn hạn	30.000.000.000	-	30.000.000.000
	606.557.008.477	18.357.602.561	624.914.611.038
Phải trả người bán và phải trả khác	58.126.169.212	23.460.938	58.149.630.150
Chi phí phải trả	221.728.366	-	221.728.366
	58.347.897.578	23.460.938	58.371.358.516
Chênh lệch thanh khoản thuần	548.209.110.899	18.334.141.623	566.543.252.522

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	VND		
	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.261.665.888	-	79.261.665.888
Phải thu khách hàng và phải thu khác	102.559.968.439	10.592.835.633	113.152.804.072
Phải thu cho vay ngắn hạn	110.000.000.000	-	110.000.000.000
	291.821.634.327	10.592.835.633	302.414.469.960
Phải trả người bán và phải trả khác	34.447.520.049	500.000.000	34.947.520.049
Chi phí phải trả	1.938.154.419	-	1.938.154.419
	36.385.674.468	500.000.000	36.885.674.468
Chênh lệch thanh khoản thuần	255.435.959.859	10.092.835.633	265.528.795.492

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước	-	65.000.000.000
Thu hồi các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước	-	65.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước	-	1.490.000.000
Trả cổ tức		
Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước	12.544.320.000	17.581.895.000

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	8.786.415.863	4.438.330.702

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có số dư với các bên liên quan.



NGUYỄN HOÀNG TÂM
Người lập biểu



LƯƠNG VÕ HÙNG
Kế toán trưởng




PHAN TẤN ĐẠT
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Báo cáo thường niên này được in với số lượng có hạn, sử dụng chất liệu giấy thân thiện môi trường từ các nguồn có hệ thống quản lý rừng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đăng tải tại website: www.bimico.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XÂY DỰNG BÌNH DƯƠNG

📍 : Đại lộ Bình Dương, Khu Phố Hòa Lân 1, Phường Thuận Giao,
Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

☎ : (0274) 3822.602

📠 : (0274) 3823.922

🌐 : www.bimico.com.vn